

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|-------------------|
| — Chế độ thăng trầm | PHAN QUÂN |
| — Diễn hình và cá tính trong văn
nghệ | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Mấy ý kiến về vấn đề nhân mãn | LÊ HUY VĂN |
| — Hai tấm vé số. (tiếp theo và hết) | NGUYỄN TUÂN |
| — Máy xay chạy gió | NGUYỄN NHƯ KONTUM |
| — Tiếng hát của đào nương | NG. XUÂN KHOÁT |
| — Xã - hội Việt - nam từ thế - kỷ thứ
XVII. | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Tổ-chức hiện-thời của nền kinh-
tế Đông-Dương | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Tình hình kỹ-ghệ Đông-Dương
trong hai năm vừa qua. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Đọc sách mới. | L. H. V. |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. Đ. |

CHẾ ĐỘ THĂNG TRẦM

ÔNG Giáp là một nhà giàu có lại nhân hậu, trong xóm, ngoài làng ai cũng kính nể.

Nay bỗng vì hỏa hoạn, mà cơ nghiệp ông ra tro. Rủi thêm cậu con ông lại thi hỏng. Dư luận xi-xào, bàn tán; những kẻ ghen ghét ông bèn dèm pha: nào là nhà ấy tổ tiên ăn ở thất đức, nào là nhà ấy không có đất học hành, rồi trăm cái xấu khác tự đâu người ta vạch ra, đến cả những người không có ác cảm gì với ông cũng bị cái dư-luận ấy nó quyến rũ, mà tưởng thế là đúng.

Trái lại, bà Át một người đàn bà đã nhiều bước bôn ba, nay đây mai đó. Nay bỗng gặp một khách thương, buôn nghìn bán vạn. Họ hàng thấy tờ đi lại đã quên hết cái quá khứ phiêu lưu của bà, mà chỉ ca tụng âm đức tổ tiên cùng là tài kinh doanh thao lược của bà.

Cái thói siêng nịnh người trong lúc thịnh, và dèm pha người trong lúc suy, không những là một thói xấu đáng khinh bỉ mà lại còn rất nguy hiểm.

Đáng khinh bỉ là vì nó biểu thị một tinh thần hèn nhát và tham lam; mà nguy hiểm là vì nó làm cho người ta nhầm đường lạc lối, không thấy rõ nguyên nhân của sự thịnh suy.

...

Cái thói ấy đã gây ra biết bao nhiêu hành vi sai lạc và ý kiến thiên tư trong trường chính-trị.

Cách đây ba năm, giữa lúc hoàn cầu mới lâm vào cuộc đại chiến này, liệt cường vật lộn, một nước dân-chủ bại trận và vì đó, thế lực các nước dân-chủ khác lung lay. Chính giới bỗng nhao nhao phê-bình chế-độ dân-chủ.

Chế-độ dân-chủ lúc ấy cũng lâm vào một địa vị chẳng khác gì địa-vị ông Giáp trên

kia, Một sự đáng buồn là biết bao nhiêu người xưa nay vẫn hoan hô chế độ ấy bỗng nhất đán xoay chiều, và họ xoay chiều một cách rất thần-nhiên, không ngưng, không hối hận. Và một sự đáng cười là biết bao nhiêu người không phân biệt trái phải cũng nhân cơ hội, a dua vào. Có kẻ vì lợi riêng, nhưng cũng có kẻ nhẹ dạ tưởng dư-luận ấy là đúng.

Đến nay, chắc những người nhẹ dạ ấy — những người lòng thành nhưng trí cạn — đã tỉnh ngộ — Và chỉ hạng người ấy ta mới nên để ý tới, còn những phường vụ lợi xoay chiều thì kể làm gì, họ chỉ là những cái chong-chóng, gió chiều nào xoay cũng được, và chỉ hơi gió khế cũng đã xoay rồi! Những hạng người này, bây giờ trước sự chuyển-vận thời cục Âu châu, một nước độc tài vừa bại trận và đổi chính thể, chắc lại xoay một chiều nữa, họ sẽ ngờ vực, rồi mặt-sát chính thể độc-tài cũng như là họ đã dèm pha và mặt-sát chính thể dân chủ; mà rồi ra họ còn xoay mãi mãi, xoay đủ các chiều, vì họ chỉ là một cái chong chóng chứ không phải là một thứ động-cơ!

Không, những hạng người như thế không nên kể đến. Ta chỉ bàn với những người nhẹ dạ nhưng thật tâm bị sự thắng bại nhất thời làm mờ ám, mà đã vội tin chính thể họ hơn chính thể kia.

Muốn rõ giá-trị của một chính thể, ta không nên căn cứ vào sự thắng bại nhất thời trong lúc chiến tranh, ta còn phải xét công-hiệu của nó trong lúc hòa-bình, và ta lại nên nhớ rằng chính thể phải áp-tụng vào dân-trí và dân-tình, cho nên có khi một chính thể có thể hay ở nước này mà giờ ở nước khác.

PHAN QUÂN

nước Anh vì có bề ngạn mà tránh được sự xâm-lăng của Đức năm 1940

Sự thắng bại trong lúc chiến-tranh không đủ tỏ giá-trị của một chính thể. Một chứng cứ hiển nhiên là lịch-sử chiến tranh của các nước: Xưa và nay, chính thể nào cũng có lúc được lúc thua, thí dụ nước Pháp năm 1918 và nước Pháp năm 1940 cũng là một thể dân-chủ, thế mà một lần thắng một lần bại; Nước Đức 1918 và nước Đức năm 1940 cũng là chính thể độc-tài mà một lần bại một lần thắng — Vậy biết chính thể nào hơn chính thể nào?

Sự thắng bại trong lúc chiến tranh không đủ tỏ giá-trị của một chính thể, là vì nguyên do sự thắng bại không những ở chính thể của một nước, mà còn ở những động-lực khác.

Nguyên do sự thắng bại rất phức tạp. Nhưng đại-cương ta có thể chia ra làm ba thứ chính; thế lực kinh-tế, thế lực binh-bị và tinh-thần chiến-đấu của dân.

Thế lực kinh-tế của một nước là nhờ nguyên-liệu thiên nhiên và nền-tảng công-nghệ sẵn có trong lúc bình-thị, vậy không có liên lạc gì với chính thể, hay có nữa thì cũng rất ít. Thí dụ như nước Mỹ hay nước Đức, thì dầu là chính thể nào cũng vậy, thế lực kinh-tế của họ rất dồi dào, trái lại, như nước Ý hay nước Espagne, thì dầu ở chính thể nào, sức kinh-tế của họ cũng không được sung túc lắm.

Thế lực binh-bị một phần chi phối vào thế lực kinh-tế (chiến cụ phải có nguyên-liệu và phải có công-sưởng mới chế tạo ra được) và một phần nhờ thiên thời địa-lợi, nghĩa là những yếu-tố không can hệ đến chính thể — Nước Nga vì nhờ có tuyết phủ nên đã kháng cự được cuộc xâm-lăng của Napoléon năm 1813 và của Đức năm 1941;

và của Napoléon năm 1805; nước Pháp năm 1940 nếu có một eo biển, hay chẳng nói gì eo biển, nếu phòng tuyến Maginot chạy dài từ biển cho tới bờ biển, thì chắc cũng không kém gì nước Anh, có thể cầm cự được lâu, lung lực-lượng chiến-đấu mà xoay thế thủ sang thế công.

Nói như thế, không phải là không nhận rằng chính thể cũng có một phần trách-nhiệm ở sự thắng bại. Là vì chính thể rất mật-thiết với tinh-thần chiến-đấu của nhân-dân, mà tinh-thần này lại là một yếu-tố quan-trọng của sự thắng bại — Cho nên lẽ chính thể nào mà được nhân dân thực tình ủng hộ hoặc vì một quan niệm quốc-gia hoặc vì một tinh thần xã hội, thì dễ được phần thắng; trái lại chính thể nào mà đưa dân vào cuộc chiến đấu mà không có một mục đích rõ ràng; hay bắt buộc dân chiến đấu với một lý tưởng viển vông, thì lẽ có nhiều nhân tâm không quyết liệt chiến-đấu, rồi dễ gặp một sự thất bại nhỏ cũng đủ ngã lòng mà bại chiến!

Nói tóm lại chính thể cũng có ảnh hưởng đến sự thắng bại, nhưng thắng bại không phải là hoàn toàn vì chính thể.

Cho nên muốn rõ giá trị của một chính thể, ta không nên chỉ một mực căn cứ vào sự thắng bại trong lúc chiến tranh, mà ta còn phải xem công-hiệu của nó trong lúc bình-thời — Cũng như là muốn biết cái chân giá-trị của ông Giáp hay bà Át, ta không nên một mực căn cứ vào bước hoạn nạn hay dịp may mắn của họ, mà ta còn phải xét gia thế và tài-dec của họ.

...

(Xem tiếp trang 29)

Điện hình và

Vào khoảng chín mươi năm trước đây, văn học phê-bình ở Tàu đã gây nên một cuộc tranh-biến kịch-liệt và kéo dài đến ngót ba năm trời. Cuộc tranh-biến này, cũng như mấy trận bút-chiến khác đã xảy ra ở Trung-quốc hồi ấy, và mọi phương diện khoa học, triết-học, sử-học... nó là một sự thể của tư-trào, nó đã đưa vào một bối cảnh lịch-sử. Chúng ta còn nhớ: từ cuộc « Tàu-hợi Cách-mạng » (1911) giờ đi, sau khi đã trải qua mấy phen họa-hoạn, nào là nội-loạn, ngoại xâm thì dân-tộc Trung-hoa đã dần dần sa vào tình-thế nguy ngập của một nước sản bị xâu-xé, diệt-vong. Phần tử tân-tiến phải trù-thủ đã nhận thấy rằng: cần phải duyệt-lại, và phải sửa-đổi hết những nguyên tắc sai lầm về học-thuật tư-tướng, và cần phải sửa đổi cả nền tảng chính-trị và quy mô kinh-tế nữa thì mới mong « kéo lại tình thế » và « bảo-chứng, cứu quốc » được.

Khởi điểm cuộc bút-chiến là một tác phẩm của Chu Dương nhan đề là: « Hiện-thực chủ-nghĩa thí luận » ấn-hành vào khoảng lúc ý-Á chiến tranh mới phát-sinh. Trong thảo-luận ý đại khái, Chu chủ-tri rằng:

Sở dĩ văn-ngệ thực-hiện đã thành ra lối văn thực-hợp cho thời kỳ này hơn hết là vì ghi lại lối văn tả chân với thái độ khách-quan, và tinh-thần khoa-học của nó, mới có thể giải-phẫu được hiện-tinh và mô-tả được chân-tướng của một xã hội. Tinh-tuy của văn-ngệ là sáng tác những nhân-vật điển-hình (type). Điển-hình là đại-hình-tượng rất đầy-dủ, và linh-động của một nhóm-quần, một đoàn thể. Tinh-cách của nhân-vật điển-hình là chính ở trong nền sinh-hoạt của xã hội đó rút ra. Nó tổng quát (synthétiser) và thể-hiện (concrétiser) những đặc sả: của một xã hội về lập-quần; sở-thích, về ý-muốn, hành-động tập-nguồng... v.v. Chu lại nói thêm: tiếng rằng, điển-hình bao giờ cũng kết-tinh ở trên nền tảng sinh-hoạt chung, nhưng nó vẫn bao hàm những đặc sắc rất sắc sảo của một nhân-vật, phải mô-tả một cá-tính khác hẳn với cá-tính khác.

Nói tóm lại, ý kiến của Chu Dương về nhân-vật điển-hình là nó gồm có hai tinh-cách: một mặt thì nó đại-biểu cho cả một nhân-quần trong một xã-hội nhất-định, và một mặt nữa, nó phải bộc-lộ được những nét đặc-biệt của cá-tính.

(1) Bàn về văn-nghệ tả chân: essai sur le réalisme.

Quan-điểm trên đây của Chu đã kích-động ngay một luồng dư-luận phản-đối. Trong mấy bài công kích ý-kiến Chu-Dương, thì bài phê-bình của Hồ-Phong là phân-minh và có hệ-thống hơn hết. Đại ý bài ấy nói:

Điện-hình là điển-hình, mà cá-tính là cá-tính. Đặc sắc của nhân-vật điển-hình là một tính cách chung cho cả một đoàn-thể, cả một lũ người. Nó là *quần thể tính* (collective type). Còn như cá-tính là, nét riêng của một người. Bởi vậy, một mặt thì nội nhân-vật điển-hình là đại-biểu cho một xã-hội, một giai-tầng, mà một mặt lại yêu-cầu điển-hình đó phải có những nét đặc-biệt về cá-tính, thì đó là một lối lý-luận mâu-thuẫn từ gốc. Về phương diện sáng-tác, nếu như một nhà văn đã mô-tả một nhân-vật rồi thì biểu-hiện được tập-quần, xu-hướng, sở-thích, hành-động và tín-nguồng... của một nhân-quần, thì nhân vật đó quyết không có gì là « đặc-biệt cá-tính » nữa. Nếu nó có những nét cá-tính đặc-biệt thì đó sẽ chỉ là một hình-ảnh quá-giả như các nhân vật thần-thoại mà thôi. Sau khi đã báo quan-điểm họ, Chu, Hồ-Phong nói: « Cá-tính của điển-hình là đại-biểu cho cá-tính của tất cả bao nhiêu phần-tử của một xã-hội nào đó; nó chỉ là một cá-tính phổ-biến mà « thôi ».

Giải-lời cho Hồ, Chu-Dương lại viết thêm một bài giải-thích lại quan-điểm mình. Chu nói:

« Dưới cái nguyên-tắc: « Bản-chất người là tổng hợp hết những quan-hệ xã-hội (rapports sociaux) mà thành-lập » ta thấy rằng người chỉ là « người » của đoàn-thể. Mỗi người đều có đủ những tính công-đồng của đoàn-thể. Nhưng đối với sự vật, thực-tế, với hiện-thực (réalités) thì trong phạm vi của đoàn-thể, trong giới-hạn sinh-hoạt chung mỗi người vẫn có những cách-thể-nghiệm và tiếp cận riêng của mình. Vì vậy mà tính-cách của mọi người tuy đều biểu-hiện những điều lợi hại của sự sinh-hoạt đoàn-thể (Quan-hệ xã-hội: rapports sociaux), nhưng tính-cách mỗi một người đều phát triển theo những phương-hướng khác hẳn với tính cách người khác..... Cái « đa-dạng-tính » (variété) của cá-nhân này không hề bài-xích hẳn cá-tính cộng-đồng của đoàn-thể xã-hội; mà cái tính cộng-đồng xã-hội là chính đã quan-thông hóa và số là cá-tính của cá-nhân rồi mới biểu-hiện ra. Một điển-hình cũng là một cá-nhân linh-động, chan chứa những sinh-khi. »

cá tính

== TRONG ==

VĂN NGHỆ

== ĐẶNG THÁI MAI ==

Tóm tắt ý-nghĩa cuộc biện-luận trên đây, chúng ta thấy rằng:

Vấn đề tranh-biến không phải là sự thừa-nhận hay phủ-nhận giá-trị của điển-hình trong văn-ngệ. Chu cùng Hồ đều công-nhận rằng: một tác-phẩm tả-chân có giá trị bao giờ cũng phải mô-tả cho rõ rệt một nhân-vật điển-hình. Hai bên cũng đồng-ý về đặc-tính của điển-hình và nhận rằng: điển-hình là tổng quát tính-cách của nhóm-quần, của một đoàn thể hoặc một giai-tầng xã-hội trong một thời kỳ lịch-sử.

Vấn-đề tranh-biến là:

Một nhân vật điển-hình trong văn-ngệ có thể giữ được những nét đặc-biệt cá-tính hay không?

Trước khi xét đến địa-vị cá-tính trong điển-hình văn-ngệ, ta nên chú-ý đến một vài khái-niệm đại-cương:

Văn-ngệ hiện-thực (hay là tả-chân, hay là tả-thực) chỉ có một mục-đích: mô-tả những trạng-thái hoạt-động của nhân-vật. Bấy nhiêu trạng-thái sinh-hoạt phải có một cái « phông » (bối cảnh): tức là hoàn-cảnh xã-hội.

Lúc ta lĩnh-hội cái quan-niệm cá-nhân, là trí khôn ta đã lĩnh-hội theo trừu-tượng hóa đã đem « người » tách hẳn ra ngoài xã-hội mà xem như là một bản-vị tự-tại, như là một hiện-tượng độc-lập. Nhưng sự thực thì một « con người » tự-tại, tuyệt đối độc-lập, — ngoài hẳn xã-hội không liên-lạc gì với phồn-quần, trong không gian và thời gian, — là một sự-trang không có thể có ở trong thực-tế. Cá-nhân chỉ là một phần-tử của xã-hội; sinh-mệnh lâm-lý của nó vẫn phải ăn sâu vào nền tảng sinh-hoạt chung. Lia xã-hội người ta không thể sinh-tồn tồn-lại, cũng như một cành lá không thể rời thân, cây mà sống được.

Dưới ảnh-hưởng mật-thiết của sự sinh-hoạt chung mỗi người vẫn là một cơ thể có tâm-hồn, có cảm-giác, và có những tính-cách tổng-quát những mối liên-lạc của sự sinh-hoạt chung. Nghĩa là: thể cách tinh-thần tinh-linh mọi người đều thành hình trong những điều-kiện sinh-hoạt mà hoàn cảnh,

xã-hội đã cung cấp cho người. Nhưng nói thì không phải là nói rằng: dưới ảnh-hưởng sự sống công-cộng, bao nhiêu hơn cách đào-tạo ở trong nhóm-quần ra đều đã đúc theo khuôn-mẫu nhất định, như là những đồ vật đã chế-tạo từng « série » trăm, nghìn, vạn, ức, triệu cái cũng như một... Chỉ xét về thể-tài người ta, cũng đủ thấy rằng: trong xã-hội không hề có hai bộ mặt, hai thân-tài giống nhau từng ly, từng tí. Cho đến hai anh em sinh-đôi cũng vẫn có những đặc sắc, để biệ-nhiệt người này với người kia. Về phần tinh-thần, về phương diện tâm-lý thì sự biệ-nhiệt lại càng dễ dàng, những nét đặc-biệt cá-tính lại rõ ràng hơn nữa. Thiệt là « mỗi người một vẻ ». Sự-phân-biệt về cá-tính là một sự-thực.

Nhận-ấy cái tính cách « đa-dạng » do có người kết luận ngay rằng: đây là cái « điệu », cái « hay » của tạo-hoà, của đấng « chủ-tể muôn-vật. Rằng « điệu », rằng « hay », thì... thực là hay... Nhưng nếu bảo rằng: vị chủ-tể đo độn ra « thiên-hi-lh-van-rạng » như vậy là để cho ta không lầm người này với người nọ, vật này với vật kia, hoặc để cho ta cảm-phục, kinh-sợ, cái biệ-tài đó, thì hẳn là đã cho « kẻ tạo vật » vay mượn những ý-muốn (intentions) mà chủ-biết là thăm-thăm mấy tầng xa lị trên-kia », « Ngài » có bao giờ nghĩ đến hay không? Kể ra xuyên-ạc cho sâu vào theo những lối « lý-luận » siêu-việt của cái óc « hình-nhĩ-thượng », thì bất kỳ trong một sự vật gì người ta cũng sẽ thấy nào là đạo-giới, là lẽ-giới, ... và... « ở trong cơn lâm-diệu-hay »!

Đời vẫn có sẵn những điều kiện-nhất-định để ảnh-hưởng đến thể-phách, tâm-hồn và thân-thể của cá-nhân.

Di-truyền, huyết-thống, giáo-dục, lập-quần, công-luận, pháp-luật, tôn-giáo, quy-mô sinh-hoạt... biết bao là dây-liên-lạc đã đem cá-tính mà ràng buộc chặt chẽ vào với đời sống cộng-cộng! Biết bao là thể-lực, tiềm-tàng hoặc hiển-nhiên, có hệ-thống hoặc vô-ý thức, đã đem tâm-hồn con người mà nhồi-nặn trong khuôn khổ tự-nhiên cùng lịch-sử! Tuy vậy, một mặt thì tiên-tiên của mọi người không phải là đều đã bẩm-thụ được những ảnh-hưởng ngang nhau về phẩm, lượng; một mặt thì về phần hậu-thiên mỗi người lại sinh-trưởng trong những hoàn-cảnh gia-đình, giai-tầng, xã-hội, thời-đại khác nhau. Vì vậy mà khí-lực, nghị-lực, tinh-cảm, thông-minh, của người này so sánh với người kia đã khác hẳn lúc sơ-sinh, thì về sau đến lúc trưởng-thành cũng sẽ khác-liền (theo những khuynh-hướng, và trên một trình-độ khác nhau). Và lại « sống » không phải là thuận-hạ, là thừa-jiếp, là hoàn-toàn thụ-động mà thôi. Với tính-cách của người đã bẩm-thụ được ngay từ lúc sinh-thành, sống cũng là đối-phó, là lợi-dụng, là hoạt-động,

DIỄN HÌNH VÀ CÁ TÍNH

lắm lúc cũng phải « phản-động » (réagir) nữa ! Lực-lượng phản-động của mọi người cũng như lực-lượng tiếp-thụ — cũng không phải là ngang nhau một loại.

Vì những lẽ ấy nên mỗi một cá nhân đối với các cá nhân khác đều có chỗ đại-dồng, nhưng xét về cá-tính thì vẫn có những đặc-sắc. « Đại-dồng » cũng như « tiểu-dị » đều là tính cách chung của sự vật và của nhóm-quần.

Nhơn-vật mà trong văn-nghệ người ta vẫn quen gọi là « diễn-hình » là một nhóm vật đại-biểu cho cả một thế-hệ, một đoàn-thể, hoặc một giai-tầng xã hội. Những tác-phẩm vĩ đại, đã nổi tiếng trên văn-đàn thế giới, đều là những tác-phẩm đã mô-tả nên một nhóm vật diễn hình, trong những nét bút sắc-sảo bạo-dạn, và ánh vi. Nói rằng : Don Quichotte là một nhóm vật diễn-hình, nghĩa là nói : tính-cách vai chủ-động trong tác phẩm của Cervantès không phải là riêng gì cho cá tính Don Quichotte mà thôi ; mà nó lại biểu-hiện được cả tính-thần của đoàn-thể kỵ-sĩ (La chevalerie) Tây-ban-Nha trong thế-kỷ thứ XVI. Quả có thể : cái ấn-lượng mà bút-pháp Cervantès đã in vào trong óc độc-giả thật rất bền chặt và sâu xa. Người ta đã có thể đặt ngay một danh-từ mới với nhóm-vật đó. Chữ « Don Quichotte chủ-nghĩa » (Donquichottisme) đã được thông-dụng để mà chỉ cái tâm hồn say sưa, cái nhiệt-tình nhiều-khê của một người đã xa hẳn thực-tế và chỉ vận-động trong thế giới lý tưởng, cái tính-thần táo-bạo, gần đờ, điên-rồ của một người mê-mẩn với những chính nghĩa viễn-vong, cho đến nỗi đem cả tâm-thần gầy gò kia mà hi sinh với những lũ giặc tượng-tượng — mấy cái cối xay-gió — đến nỗi bị đánh, bị ngã, bị đau đớn, đầy những vết thương, cũng không thôi ! Ở Tàu, sau lúc cuốn tiểu-thuyết « Q. xuất bản, thì trên văn-đàn Trung-Quốc cũng như trên văn-đàn Quốc-tê, mấy danh-từ mới như là « Q. tượng », « Q. hình », « Q. chủ-nghĩa » cũng theo tác-phẩm Lão Tấn mà xuất-hiện, mà lưu hành, thông-dụng để chỉ cái tính-thần « Anh hùng rơm », « Anh-hùng-tượng-tượng » của một chủ-chiến ở trong giai-tầng nông-dân của xã-hội phong-kiến Tàu. Sự thực thì trong lúc đấm-dá tranh-đấu hằng ngày bao giờ chủ cũng bị thua ; nhưng tâm-lý chủ-trần-đồ trong luân-lý thế-diện ta vẫn luôn luôn tin-tưởng vào những cuộc đắc-thắng tưởng-tượng của mình.

Nhưng nhận rằng : Don Quichotte là diễn-hình của lớp kỵ-sĩ Tây-ban-nha về hồi thế kỷ thứ XVI,

không phải là nói rằng : bao nhiêu kỵ-sĩ ở nước Tây-ban-nha hồi ấy đều là Don Quichotte. Bảo rằng « Q. là diễn-hình giai-tầng nông-dân trong chế độ phong-kiến Tàu, cũng không phải là nói rằng bao nhiêu Nông-dân Tàu trong hồi ấy đều là « Q. » Số là lấy từng người mà nói thì mỗi một kỵ-sĩ Tây-ban-nha, về thời Cervantès, cũng như mỗi một Nông-dân Tàu về thời Lão Tấn, vẫn sinh trưởng ở những trạng-hợp đặc-biệt và nhóm cách họ vẫn phát-triển trên những bối cảnh lịch sử khác hẳn với mỗi người trong giai-tầng, trong thời đại. Văn-học Pháp cũng có những thí dụ tương-tự. Tức như vai đại hà-tiên ông cụ già Grandet của H. de Balzac chẳng hạn. Một mặt nó là đại-biểu cho cả một bọn tư-sản giàu có, bủn xỉn đã gây dựng được những tự-cơ đồ sộ trong những trường hợp tối tăm, giữa những ngày loạn lạc, sau cuộc cách-mạng tư-bản Pháp về hồi 1789. Nhưng một mặt nữa, Grandet vẫn có những cử-chỉ, bộ-diệu đi đứng, ăn nói, những cách tính-toán, những câu nói cá-lâm, mà chắc-chắn, lạnh lùng, khắc-độc đối phó với những « con-mồi » của họ hoặc với những người dóm-dò vào tiền của của họ. Ấy là cá-tính của Grandet. Ngoài Văn-nghệ là nhân-ra, chính trong nền văn-học Cổ-diễn Pháp về thế kỷ thứ XVII là một nền văn-học chú-trọng về tính-cách phổ-biến (universel) vĩnh-viễn, hơn là mô-tả diễn-hình của một thời-đại, chúng ta cũng vẫn nhận-thấy những nét diễn-hình. Harpagon là một nhóm-vật có tính-cách phổ-biến, đã đành. Chúng ta cười trông đờo chúng ta thấy lão già có mà tiếc từng mẩu nặn, trong lúc chúng ta nghe lão sung sướng tuyên-bố say sưa với hai chữ « sans dot ! » trong lúc lão lữ-tiền tìm kiếm... « Mười người ăn ; nhưng lắm chỗ lắm cũng được... » Tám người ăn vừa, thì mười người ăn cũng vừa. » Nhưng nếu nhóm-vật của Molière chỉ có thế mà thôi, thì nhất-định là nó sẽ kém sinh sắc nhiều. Tài-hài-bước của nhà viết kịch vô-song của Pháp là chính ở chỗ đã sáng-tác được một nhóm-vật « đại hà-tiên » mà lại có những nét cá-tính sắc sảo, huyền-diệu. Harpagon bủn xỉn, như nhà lão có một đoàn thầy tớ khá đông ; bủn xỉn, nhưng lão lại còn « si-tinh » ? Phải chăng đây là những sắc-tướng mâu thuẫn như một vài nhà phê-bình Đức thường nói ? Không ? Harpagon là một người sinh trưởng trong bọn tư-sản, cho nên lão giàu tính tự-ái ; giàu tính tự-ái nên lão sợ công-luận ; sợ công-luận cho nên lão cũng phải cho có bề, có thể, phải nuôi cả một đoàn gia đình. Lão góa vợ đã lâu, cho nên gặp

NH TRONG VĂN NGHỆ

Mariane là... quả tìm giá cũng phải đánh pháp-phồng ! Thì cái tài Molière, là chính ở chỗ đã mô-tả nên một nhóm-vật diễn-hình vừa phổ-biến mà lại vừa linh-động. Harpagon hà-tiên, hà-tiên mà vẫn giàu tính tự-ái, và lại « đa tình » ấy nhưng đa-tình và tự-ái, mà Harpagon vẫn cứ « hà-tiên. »

Chúng ta thấy rằng : sau nhóm-vật diễn-hình còn có bối-cảnh lịch-sử ; và cá-tính vẫn có thể bộc-lộ trong diễn-hình. Hơn nữa : chính nhờ những nét cá-tính sắc sảo mà diễn-hình mới thành ra linh-động.

Nếu như nói theo lối trừu-tượng, thì tính cách diễn hình là quân thể tính (caractère collectif) ; mà cá tính là đặc-sắc của cá-nhơn. Nhưng trong một áng danh-văn thì hai tính-cách (diễn-hình và cá tính) bao giờ cũng chấp đặt lại thành hẳn một tâm-hồn nhất-tri thực hiện.

Nếu như chỉ có những nét đặc-biệt cá-tính, với những khuynh hướng nhất thiết vị-ngã, hoàn-loàn phản xã, (antisocial) thì nhóm vật đó chỉ là một thứ quái-thai, một lão ác-tăng. Rất nhiều bộ tiểu-thuyết Âu-châu xuất-bản vào quãng trước sau trận « Đại-chiến » 1914-1918 đã biểu-hiện ra những trạng-thái đối-trụ hoặc quái-gở đó. Nhất là ở Đức và ở Áo hồi ấy, nhiều văn-sĩ, thi-sĩ chỉ vì chán nản với cuộc tàn sát trong mấy năm giờ mà họ đã nhất định quay về con đường tiêu-cực tuyệt-đối. Họ thống trách cái chính thể quân-phiệt và chế độ tư bản lập trung đã xô đẩy loài người sa vào trong hầm hố tàn-sát của chiến-tranh. — Về mặt ấy hẳn là họ không lầm. Nhưng chỉ vì chán nản với một xã-hội, mà họ đã thất vọng với tất cả loài người, họ đã hoài nghi hết tất cả bao nhiêu tổ-chức trong xã hội, thì lại là một quan-diểm quá đùng — Thậm chí có nhiều nhà học giả xưa kia đã đứng về tiền-tuyến, mà bấy giờ cũng vô-quang lấy cái gối « hoài-nghĩ » của chủ nghĩa « yếm hễ » mà mơ màng, than-thở, và tự-kiên với cái khuynh-hướng tiêu-cực viên-vong. Đối với bao nhiêu « giá-trị văn-hóa » của loài người, họ nhất định hoàn-toàn phủ-nhận. Họ không nghĩ rằng chính cái chủ-nghĩa yếm thế đó cũng vẫn là một sản-phẩm của trí-thức loài người mà thôi ! Phạm vi bài này không thể nói kỹ về ảnh hưởng của lối lý-luận cực-tả hoạt-đầu (gauchisme Opportunisie) đó về mặt chính trị, mặc dầu nó cũng là kết quả của một hệ-thống tư-tưởng chỉ nhận thấy dấu trừ (—) suốt từ đầu chí cuối trong lịch-sử nhóm-loại. Tưởng chỉ nên nhắc lại rằng : chính-kiến sai-lầm đó đã đạo-dẫn cuộc

cách-mạng dân chủ ở Đức đi tới cuộc phản-động kịch-liệt, mà thế giới ngày nay còn chưa thể-nghiem hết những hiệu-quả bi-kịch.

Về văn-học nhiều nhà văn ở Đức, ở Áo, hồi ấy cũng chỉ vì chán nản với xã-hội, với chế độ hiện thời, mà họ sẽ chỉ chú ý đến sự yêu-cầu của cá-tính mà làm lơ hẳn với sinh-hoạt công cộng, đến nỗi say mê với những « bệnh-thai » của tâm-lý, những nét tiêu-tuy, đồi-đường, hoặc điên-rồ, quái-gở... nữa. Họ mô tả những quái-tượng như là một người chỉ thích làm cho vô số người khác chết một cách đau-đớn, để nhìn người ta cần rằng, thế lưỡi rên-rỉ, kêu la, cho thỏa thích ; hoặc là một cô con gái tự-y đem mình vào chỗ truy-lạc để hủy-hoại mình và hãm hại người khác một cách ác-độc thì mới hả-dạ hoặc là một cậu bé mười bốn mười lăm tuổi đầu, sinh trưởng trong « kỷ-luật sắt » của một gia-đình, một xã-hội quân-nhơn, mà một ngày kia bỗng phản-đối cả với ông bố, (một viên đại-tướng) một cách rất kịch-liệt, ghê-gớm... Nói chung cũng là trạng thái khủng hoảng của sinh-hoạt xã-hội sau cái thảm-họa bốn năm giờ hồi đó. Nhưng chỉ vì cái tính cách trái-ngược với tính người, « phản xã-hội » « vô nhóm đạo » mà nền nghệ-thuật ấy cũng chỉ có thể phát-hiện trong một hai năm giờ là tận số, không có thể tiến-triển được. « Vô nhóm đạo », « phản xã-hội » ở đây, không phải là xét ở trong phạm-vi chặt hẹp của một nền luân-lý, một tư-tưởng chính trị hiện còn ở địa-vị cao-quý mà thôi ; hai danh-từ này chỉ có ý-nghĩa là không thích hợp với tính-tính nhóm-loại, với sự sinh-hoạt giống người trên nền tảng chung của xã-hội.

Trái lại, nếu một nhóm-vật chỉ có những tính cách đại-thể, những nét hoàn toàn diễn-hình, không có một đặc-sắc cá-tính nào, thì nhóm-vật ấy sẽ là một nhóm-vật vô-hồn, không có sinh-sắc. Nó sẽ chỉ là một nhóm-vật « công-thức » (Personnages conventionnels.)

Thế nào là nhóm vật công-thức ?

Thường thường đầu năm, chúng ta vẫn nghe các bà cụ « cụ-trên » đi « bói tuông » về họ bạn tán cùng nhau. Người thì bực vì rằng đầu năm bước vào cửa Đạp đã gặp ngay phải « vai-nhính » ; người thì mừng rằng « bói » được « vai trung ». Không cần chú ý đến tính cách mê-tín của những điều tin-tưởng đó ; chúng ta chỉ nên nhận xét sự biệ-n-biệt « vai trung » và « vai nhính » của các cụ

(Xem tiếp trang 28)

MÁY Ý-KIỆN

VỀ VẤN-ĐỀ

NHÂN MÃN

LÊ HUY VÂN

Vấn đề nhân mãn vốn là một vấn đề đáng lo ngại nhất cho dân Việt-Nam ở miền đồng-bằng xứ Bắc kỳ. Trên một khoảng đất rộng có 14.700 cây số vuông mà chen chúc tới 7.000.000 người: mỗi cây số vuông tính ra có chừng 400 người ở; ở vài tỉnh như Thái-Bình, Nam-Định con số đó lại lên tới 700, 800 có khi 1.500 một cây số vuông.

Ông Lotzer trước đây có xuất bản một cuốn sách gồm những tờ trình của ông đệ lên chính-phủ về vấn đề ấy. Kết luận ông cho rằng chỉ có hai phương pháp khả dĩ giải quyết được. Một là đem một phần dân số mang vào khai khẩn các chỗ đất hoang ở miền Bắc xứ Bắc-Kỳ, Nam-Kỳ và các tỉnh nguyên ở Trung-kỳ. Hai là làm thế nào cho miếng ăn của dân quê được nhiều chất bổ hơn lên.

Nhân quyền sách đó, Viện khảo về Người (Institut indochinois pour l'Étude de l'Homme) có đem vấn đề ra bàn cãi. Phần nhiều các hội-viên đều không tin hiệu quả của phương pháp trên và có giao cho mấy người chuyên hội, làm y-sỹ, khảo sát về miếng ăn của dân quê xứ Bắc-kỳ. Tập-kỷ-yếu của Viện Khảo về Người năm 1942, xuất bản tháng trước đây có đăng ba bài nói về câu chuyện đó. Chúng tôi xin tóm tắt lại để các độc giả của T. N. biết qua về ý kiến của mấy nhà chuyên môn.

I Bài đầu tiên là của ô. Botreau-Roussel, tổng thanh-tra Vệ-Sinh và y-tế Đông-Dương. Sau khi xem xét bữa cơm của binh lính, phu cao-xuất ở ở Honquan, học sinh ở trường Bảo-Hộ và đem so với bữa cơm của dân quê, ông đã quyết rằng di dân không phải là thượng sách, cần nhất là phải làm cho dân quê ăn uống khá hơn lên. Nhân đó ông xét về các món ăn gốc, như gạo, đồ ăn có chất đạm và các sinh tố.

Muốn cho nhiều gạo, đầu tiên phải cần:

- a) cấm xuất cảng gạo Bắc-kỳ.
- b) cấm nấu rượu bằng gạo
- c) làm lại chế-độ tiêu dùng của dân.

Muốn cho chế-độ tiêu dùng của dân lập lại được thì trước hết phải trừ bỏ tệ cho vay nặng lãi nghĩa là cấm

kiện nợ, cấm bán ruộng đất dưới 5 mẫu; lại còn phải chia lại các ruộng đất cho dân chúng, bắt các đại điền chủ phải bán lại ruộng cho nhà nước để nhà nước đem chia.

d) tăng số sản xuất thóc gạo bằng cách chọn thóc giã, dân thủy nhập điền hay tiêu thủy sửa sang các đất bồi ở miền bờ.

2) miền đồng bằng xứ Bắc ít trâu bò quá không đủ cung các đồ ăn có chất đạm. Phải khuyến khích việc nuôi lợn, gà, chó và tìm cách cho hồ, ao, sông ngòi nhiều cá hơn lên.

3) Miền đồng bằng xứ Bắc-Kỳ thiếu các sinh-tố B1 và C. Sinh-tố B1 ở trong vỏ gạo. Cho nên dân ta phải giữ nguyên cách giã vỏ truyền mà đừng ăn gạo máy. Còn sinh-tố C thì ở rau sống và hoa quả. Nhiều thứ quả như cam, chanh, bưởi nhều đến nổi chỉ ăn một quả là đủ. Cho nên lại phải khuyến khích việc giống các thứ cây đó.

II Bài thứ hai của ông A. Massenet, kỹ sư, cựu sinh viên trường Bách-Khoa. Ông này không phản đối hẳn thuyết di-dân như ông Botreau-Roussel nhưng nhận rằng thi-hành nó cần phải sự soạn cần thận cái đã. Ở Á-Đông sự sinh đẻ ở chỗ nào cũng quá đa! Ở Đế-Quốc Nhật dân số cứ 1000 người thì một năm đẻ thêm 20; Mười năm nay đã tăng thêm 1600 vạn. Ví dụ như dân số Cao-Ly năm 1930 có 18.800.000 mà đến 1940 đã thành 23.000.000.

Dân số Đông-Đông khoảng độ 3.000 vạn. Cứ cho số sinh sản là 10 phần 1000 thì mỗi năm tăng lên tới 30 vạn. Vấn đề vì đó mà thêm khẩn cấp.

Muốn cho câu chuyện di-dân thành được phải có hai điều kiện. Một là phải tìm chỗ đất cũng giống giọt được như ở miền đồng bằng Bắc-Kỳ. Nếu dân họ lên miền Thượng Du Bắc Kỳ và sang Lào là tiện. Nhưng ở những miền đó thì đất ruộng rất hiếm. Cho nên cần nhất là phải dạy cho dân bị đi di học cách giống các cây to vừa như, chè, ca phê. . .

Điều kiện thứ hai là phải tăng sức sản xuất ở đồng bằng để lấy cái nuôi nười đường ngược. Về chuyện đó thì Bắc Kỳ là xứ có nhiều phân bón tự nhiên giới cho, phải phát-chấn hạn. Từ 50 năm nay chỉ có một cuộc di dân thành công là việc di dân Tàu ở Hồ Bắc sang Mãn châu vì ở hai miền, cách giống giọt giống nhau.

Còn vấn đề tiêu công nghệ thì điều cần thiết là cho các người chuyên vào nghề đó đủ sức tiếp cận tiền mà dùng để họ có thể bán rẻ các đồ hàng của họ.

Kết cục, ô. Massenet có cho biết những kết quả của một vài công-ti to đã thi nghiệm về cách ăn uống của phu Việt Nam. Theo viện Pasteur thì bữa

cơm thường của một người dân ông làm việc nặng phải có 800 gam gạo, 250 g rau, 55 g thịt, 150 g cá, 24 g muối, 40 g nước mắm, 5 g chè.

Một công ti mổ bán cơm cho phu, phần cơm gần đúng với phần cơm kiểu mẫu của viện Pasteur thì thấy rằng mỗi người trung bình từ tháng chạp đến tháng hai lên được 3 kilô 694 nghĩa là 3, 5 phần trăm.

Một công ti khác đề cho phu tự chọn lấy đồ ăn thì thấy rằng phần nhiều chỉ thích cơm mà ít ăn rau thịt và cá. Ô. Massenot cho rằng thịt đối với dân ta không cần lắm như đối với người Âu ở xứ lạnh. Xem như người Nhật Bản không ăn thịt mấy mà cũng to lớn. Vậy chỉ cần tăng sức sản xuất cá là đủ.

Nói tóm lại mỗi người một ngày ăn chừng 700 g cơm, 150 g rau tươi, 40 g thịt, 100 g cá, 25 g nước mắm, 27 g muối và 5 g trà là đủ. Nghĩa là cả thầy dân Hạ-Du Bắc-kỳ phải dùng:

1.800.000 tấn gạo
400.000 — rau
110.000 — thịt
250.000 — cá
64.000 — nước mắm
70.000 — muối
và 13.700 — chè

DANH-TỪ

KHOA HỌC

HOÀNG XUÂN HÂN

GIÁ: 4\$00 CƯỚC: 0\$47

Thơ và ngân phiếu gửi về:

PHARMACIE NEYRET
67, Phố Trường Thi — Hanoi

Kết luận ông cho rằng phải làm thế nào cho người mất công cấy cấy được ăn gần hết những nông sản mình làm ra chứ không nên để cho các chủ điền chẳng làm gì cả.

III Bài thứ ba của ô. E. Leriche giám đốc ban Nha Khoa ở trường Thuốc ở Hà-nội. Cũng như các ông trước ông này phân nân rằng 80% dân Bắc Kỳ chỉ được ăn mỗi ngày một bữa. Một nhà 10 người (7 người lớn, 3 trẻ con) về độ mùa màng được ăn hai bữa mỗi bữa có độ:

Gạo hạng nhì	4kg500
Cá hay thịt rau	0, 300 cá hay 0,100 thịt
Mắm tôm	0, 100
Rua muối	0, 500
Rau luộc	0, 300
Muối, ớt, hà tiêu	0, 100

Rượu 0 lít 110

Nghĩa là mỗi ngày, mỗi người ăn 0 kilô 900 gạo, 60g cá, 20g thịt, 20g mắm tôm, 100g rua muối, 60g rau luộc, 20g muối.

Đây là nhà khá còn nhà nghèo thì mỗi người, về vụ cấy gặt được ăn 2 bữa có 420g gạo, 42g cá mắm, 84g rua muối, 50 gam canh tôm hay cua, 30g muối. Về mùa đói thì phần ăn có khi chỉ còn nửa.

Ô. Leriche đã tính ra thì, ăn như thế, thiếu mất từ 50 đến 75% chất hydrate de carbone từ 40 đến 70% chất albuminoïdes từ 40 đến 50% chất mỡ từ 70 đến 100% chất sinh tố A và B Chỉ thừa có chất sinh tố C và D

Nói tóm lại dân quê Việt Nam ăn nhiều gạo gạo, vụ mùa từ 60 đến 70% cả phần ăn, vụ đói từ 75 đến 90%.

Thế mà các chất bổ của gạo, có thể có hoàn toàn thu nhập được cả đâu. Có thể chỉ dùng được có độ một nửa. Gạo lại cũng chỉ có hai chất sinh tố B và Br mà hai chất đó cũng tùy giã kỹ hay rối mà còn nguyên hay mất.

Vả lại các chất bổ của đồ ăn có thể muốn dùng cho hết tất phải khỏe mạnh. Thế mà phần đông các dân quê Việt Nam đều vì thiếu ăn mà sinh bệnh thì dù miếng ăn có tốt cũng không hưởng được hết.

SẺ XUẤT BẢN:

LA SƠN PHU TỬ

của HOÀNG-XUÂN-HÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

NGUYỄN TUẤN

HAI TÂM VỀ SỐ

MÃI đến lúc thấy phải đợi lĩnh tiền là lâu quá chứ ư, phải đợi cho họ gọi đến lượt mình ngồi đã sưng cả người ra rồi, nếu không vẫn làm tri ra mà dính mình vào với người và cảnh ngoại vật lộn xộn kia thì có lẽ đến ngả ngời ở đây mất, mãi đến phút đó, Hồ mới để ý nhìn Suy Đan. Suy Đan ăn mặc tẻ quá. Cái lời pi le sức ấy là một lời tuyên bố rõ ràng về một nông nỗi nghèo thiếu của một kiếp sống có hạn một cái luân lý hỗn loạn và lười biếng. Cái gì mà lại quản ta và áo vải-tô của dân ông thế kia? Có Suy Đan đã bừa đến nước ấy rồi kia à! Phức sức ra chỗ công chúng mà dám đập lên mình những thứ quần áo không đi với nhau và có chiều chấp hết cả sự thòm ngò của chung quanh, thì tới lúc đó người ta đã là một sinh vật có một quan niệm đáng khấp làm về đời sống của cả mình vàופן của cả chung quanh nữa. Cái quần sa-tanh trắng của Suy Đan đã ngả màu thời gian, có cái công dụng là gây được việc ghê sợ cho bất cứ ai còn biết thêm đến cái trong sạch ở đời này. Những lúc Suy Đan không đi lại trong phòng-Kho Bạc gần quán nhét chặt vào kẻ gót và mặt guốc — Ôi! một đôi guốc mà cái thân mỏng dính đã nhấc nhấc đến nhiều buổi kéo bộ dài hạn trên các mặt lề đường đồ si-moong, một đôi guốc mà quai thì lại hai thứ! Ấy thế rồi ở cái gấu quần ấy chỉ có những vết bùn. Nếu ông quần về phía trên không có những vết của bùn đất rõ rệt thì lại rải rắc đầy đó những vết ti ô. Người có nhân đã chẳng kịp phân biệt thế nào là bẩn sạch và vì có nhân ra thì cũng chẳng có quyền chọn. Một mùi tanh tanh quanh quất người. Hồ lúc ấy vẫn ngồi lìm trên chiếc ghế lim. Suy Đan đứng sững xoay nửa lưng lại chàng cách có một tầm rưỡi tay. Giờ Hồ mới nhìn đến cái phần trên của Suy Đan. Ngực nàng không còn, mỏng không còn. Liều ngày nay hoàn toàn gay cả trăm phần. Và thân trên người cô nhân giờ là một cái áo và h-tô cá lý nhà binh, cổ đứng che kín cả cổ, chỗ miệng túi con vẫn còn nguyên mấy hàng khuyết để đặt chúng huy chương. Người có nhân đã phải

gã nghĩa với một bức dưng si nào chăng? Chao ôi, tiếng thờ dài của Hồ chan chứa một niềm trắc ẩn có chen lẫn vào ít nhiều tiếc thân và kính trọng. Giá chàng đừng đòi thân hạnh đi xuống đây hôm nay và cứ ở nhà chơi với con hoặc đem cái khung xe đạp của cái ông gì gửi đồ ra mà sơn lại và kẻ chỉ thì có hơn không?

Hồ ngược nhìn mặt Suy Đan, cái ngơ bần nhô xưa kia đã có một thời thừa tiêu biểu cho cái phần hương của thị trấn, đã có một thời nhả vào lòng chàng và lúc đi ra khỏi chàng thì lại bề queo đời chàng vào cái đường này, một con đường ngang dằng dặc những chướng ngại chịu chịu khó và rẽ ngay vào một cửa hiệu xe đạp. Hồ còn nhớ lúc chàng quét dọn lại những đồ vật trong lòng mình, thu dẫu nó lại một góc để chôn lấp nó đi và cốt để cho mình được vui vẻ chào S. D. khi phải vĩnh biệt nhau. Hồ còn nhớ hôm đó S. D. lộng lẫy lắm kia, trông nàng không bao giờ lại có thể giả sử đôi rách như thế này. S. D. của ngày ấy có cái vẻ đẹp của một thứ người chỉ biết sống để không cần lao mà cứ luôn luôn cho mình quyền giải trí, chỉ sống cho tiếng cười cho miếng ngon, cho tơ lụa và xe và người khen ngợi mình.

Nàng rất hồn nhiên. Hình như cô ta ở tư đâu lại với chúng ta. Một lần ấy, mẹ mất, S. D. tưởng là bà cụ lại ngủ rất nhiều hơn mọi ngày, thôi đây chứ gì. Đến lúc mọi người bảo cho cô biết đến cái sự thực rất ghê gớm ấy nghĩa là cái nỗi từ biệt cô cũng vẫn nói cười như thường. Mãi sau Hồ dục mãi cô mới khóc và lờ mờ hiểu rằng cái tiếng khóc một đời khi lại con là điều cần dùng và cái giá của nó, có ít nhiều trường hợp, lại còn cao hơn cả giá tiếng cười. Nhưng cô khóc vẫn thế nào ấy — cứ xem một lần ấy cô khóc mẹ đẻ thì đủ biết. Cịong cô khóc không ỉn ỉn mà cũng chẳng lè tẻ. Nó danh ầm, rồi nó rớt dần dần ục một cái xuống mà hết ngay. Hiện ra danh ục một cái rồi lại ục một cái mà tắt nín. Thế có lạ không.

Một lần khác, ngồi ô-tô với Hồ, đến chỗ đường hẹp ấy phải đỗ xe lại cho cái xe bò chở da tăng vẹo bánh gây trục kia có đủ thời giờ giá lại đường. S. D. hỏi Hồ:

— Những người đẩy xe bò kia sao lại gán con số vào áo mình? Con số phải gán vào xe chứ?

Hồ thuộc tâm hồn nàng, biết nàng không chơi chữ mà nói câu ấy, liền giảng rất rõ mạch lạc cho S. D. hay rằng đây là những kẻ đã đi làm đường mà quên lại những điều ác đã gây nên nơi xóm giềng làng nước họ đã không được là của họ nữa và họ giờ chỉ là người của Nhà nước. Và đã như thế thì mặc áo có sổ. Trong số những người của Nhà nước bị đẩy xe đá kia, hẳn cũng có người bị oan uổng. Nhưng điều đó cũng không hề gì và đeo con số vẫn tức là đi tù. Và ai cũng rất có thể là đeo con số được, nếu mình không gặp may, nếu mình hay coi nhẹ lòng mình và cư xử mình.

S. D. nghĩ về câu giảng của Hồ một lúc, rồi cười ngất nghêu:

«Anh nói điện, anh đến là hay bịa chuyện. Về bắt kẻ cái gì, em đồng hồi đến là anh cũng ứng biến trả rất khéo được.»

Từ đấy, Hồ không giảng gì cho S. D. nữa. Cái đầu người đàn bà hay vui ấy không chịu nhận cái gì cả, ngoài mấy thứ cần hằng ngày cho nàng: câu cưỡi iêng khên, thịt cá hoa quả, và cái xe... vào những lúc không là cái giường. Đáng lẽ tâm nhất là cái lúc đó thấy có tiếng gọi ở cổng biệt thự thuê, tưởng Hồ về nàng chạy ra. Nhưng đây chỉ là một người ăn mày gọn gàng rất đứng đắn tuy chưa lấy gì làm có tuổi lắm. Thấy y kể lể thì S. D. hỏi vặn ngay người ta rằng sao lại không ăn cơm luôn luôn, đi đến nỗi phải đói. Rồi sẵn tay cầm, nàng cho luôn kẻ khó kia một cánh la-dou-trắng, chào người ta bằng ông và khép cửa đi vào.

S. D. vốn là sự vui vẻ. Không bao giờ, từ từ. Những lúc có một điều gì gần như buồn sắp tới thì nàng đã tiêu rất nhều tiền để ngăn trước nó không cho nó đến. Tiền tiền vung lên, vung mà cũng mệt và cũng phải có quen chứ không thì cũng dễ ốm lắm. Nhưng một thì S. D. lại ngủ yên như giấc của kẻ công bình. Còn cái gì thuộc về siêu lý mà lên nỗi vào lòng một giải nhân bình thì nàng chẳng nghĩ. Thanh ra không bao giờ nghĩ biết tiền cái được. Bởi vì tiền thì luôn luôn sẵn, nàng cứ tiêu và Hồ cứ đem tiền cho cô còn sót lại rồi lại vận tiếp đến cho tiêu nữa, như thể Hứa thái.

Đối với tiền, mong S. D. có một cách hiểu kết để thuyên hạ. Là không bao giờ nàng lại tin rằng nó là thành tích của cầu gù, không bao giờ lại phải tìm mới có không bao giờ nó lại thể hết được. Lần đó, Hồ chạm đưa tới, nàng ngờ ngờ rằng tiền có lẽ cũng có thể hết được lắm, rồi nàng thấy hơi phiền ồ phiền. Nhưng Hồ vẫn sát cánh nàng, nên nàng không kịp sớm biết đến hơi phiền muộn của đời sống. Buổi tối ấy, đêm một ít tờ giấy bạc mới nguyên và rộng, khổ ngang dọc to đến mấy giống chữ in ở đồng bạc của Điện thứ 139 phát hành phạt tội khổ sai những kẻ mạo và làm

giấy bạc giả, đã được phép nước thừa nhận, nàng đọc tách ra từng chữ, lên xuống giọng như chúng ta đọc những ngàn những lời dạy dỗ. Rồi nàng hỏi bằng những chữ hiểu nghĩa là gì, hỏi Hồ?

Hồ cười sè. Và không thèm giảng. Nàng đã nhớ đến cái lần chàng uống công cật nghĩa cho S. D. về cái chuyện đem nhữn phở đầy xai bỏ đi là lẽ rồi. Chàng chỉ nói một câu ngắn cộc không ăn gì với câu hỏi. «À thế là giấy bạc mà!» Rồi lúc nào những cái đẹp giấy in ấy gần với mộng mĩ đi ở ngân tử, thì Hồ lại đưa thêm đến. Chẳng biết lúc vắn của ai thì cô khó khăn vất vả gì không; nhưng mỗi lần S. D. cầm cái đồng giấy đó cao thanh đẹp, cô ý hơi qua Hồ một chút thì câu trả lời của Hồ ngoan và gọn là: «À tiêu mà!»

Tình tình S. D. như thế quan niệm nàng đối với đồng tiền với cái sống cái chết như thế, bấy nhiêu đã tạo cho S. D. một bộ mặt đẹp một cách bình tĩnh hiền lành như mặt các gái đồng trinh bên giáo.

Hồ đã nghĩ đến khuôn mặt ngoan ngoãn ngày xưa đó và rất kinh sợ thấy về mặt S. D. hôm nay đầy những dấu vết tàn phá của đời sống chật vật và thiếu thốn. Ở đây giờ lại hiện lên những nét kiêu bạc và bao nghịch nữa. Hồ bất giác lại nhìn xuống mười đầu ngón tay mình đã hết sắc trắng hết hình thạc vật và chỉ còn là dây trai đầy sẹo và đất thì thỉu loét. «Mình thì làm nghề chèo xe đạp. Còn nàng, nàng đi làm gì, từ ấy đến này, để dùng tiền tiền tiền thế?»

Hồ đã tra ông tay Kho bạc cái thẻ đồng và lĩnh mười đồng bạc ra, chàng gặp S. D. đến lướt vào nhìn. Trong giây lát, hồn mắt gặp nhau. Lặng lẽ, mệt mỏi, thần nhiên. Hồ đi thẳng ra cửa chính. Người đàn bà đã nhận rõ chàng, cũng không nhìn theo.

Sang đến nhà kèn công viên Bồn bèo, Hồ vụt có một ý kiến. Là sẽ không cảm số tiền trúng số đi mua con ngựa gỗ sơn màu hồng như đã định nữa. Hồ sẽ dùng chục bạc đó mời S. D. đi ăn với chàng. Gặp lại cô nhân hồ đã dễ - mặc dầu cô nhân chỉ còn là một cái rế rách u gọi một chút hơi tàn. Để khỏi phiền trách mình về sự đổi định kiến trong cách dùng đồng tiền một buổi sáng ấy, Hồ trăn trối rằng mình còn cả một đời sống lạnh mạnh của mình để ăn ở với một đứa con để mua đồ cho nó. Nhưng để nó mua ngựa gỗ cho nó hôm nay thì sao? Nhưng nghĩ rằng lúc về vợ có hơi mệt mỏi và hồ không biết là từ dùng tiền vào một việc như vậy, nên thuộc về đời cũ mình rồi. Và nếu cần phải nói đối để vợ khỏi lo sợ vô ích, thì thiếu gì cách bịa ra chuyện.

Hồ nhanh bước đi sang phía lề đường Kho bạc vì S. D. vừa lộ người ra khỏi cửa chính. Mắt nàng nhìn ra chuồng quanh, yếu đuối cả đến cái dáng đứng sững, hình như đang hỏi mình nên đi về phía nào. Hồ đã tiến sát hẳn vào người nàng mà mặt nàng cũng chẳng chút rung động. Lòng S. D. đã đi tới một mực đứng dừng đã đầy công tập luyện lắm.

— Chào S. D.. Tôi muốn nói chuyện với S. D. hôm nay. Đã lâu lắm.

S. D. không trả lời Hồ. Nàng cứng hẳn người ra, nét mặt xa vắng hẳn đi, mắt gởi vào cái rỗng tuếch khoảng không phía trước. Cái người đàn bà phục sức bữa bãi chấp nối ấy giờ là pho tượng đá biều tượng cho Nghèo Đói và Kiêu Căng. Người lính khố xanh đứng gác cổng sở gần đấy, càng mỗi mắt nhìn. Hồ lại nhắc lại câu nói, ghé miệng gần vào gáy S. D. Nàng không quay đầu lại, ưỡn thêm ngực ra như trả lời cho không gian :

— Hồ quên mất hơi ước rồi. Sao chúng ta lại còn chào nhau. Lại nói với nhau thì càng không nên nữa. Bây giờ chúng ta không là chúng ta của ngày nọ nữa. Bây giờ là xa lạ.

— Tôi biết lắm. Tôi nhớ lắm. Nhưng...

— Nhưng... Hồ muốn gì?

— Cùng đi với nhau một vài phố.

Mất một lúc lâu nàng mới chép miệng, tiếp :

— Hồ đã muốn thế thì cũng chẳng khó gì. Thì cùng đi.

Giọng nàng đều đều, không tiếng thấp không tiếng cao, một thứ giọng của người đã hết cái sinh thú nói chuyện, một thứ giọng của người không muốn nghĩ thêm về những điều mình đã phải bày ra bằng lời. Hai người bèn lấy xe, tìm đến một quán ăn có bán cả rượu. Cái hiệu ấy ngày trước Hồ và S. D. đã từng đề lại rất nhiều kỷ niệm của phung phí thừa mứa.

Tất cả thực khách hiệu ấy đều ngừng cả thìa dũa lại mà nhìn cái đôi vừa vào kia đang chọn bàn. Họ không hiểu tại sao hai con người bần thủ rách vá ấy lại có dáng đi đài các và vững vàng như thế. Tội bởi bàn không dám khinh nhờn nữa khi S. D. và Hồ đã giả chúng tẩm thực đơn và gác dũa vào mấy món đắt tiền mà chỉ có người sành ăn mới biết đến. Chờ món ăn, S. D. đề cầm vào lòng tay, ngẩng mắt lên hỏi :

— Vậy Hồ muốn nói chuyện gì? Cấm tiếu than. Cấm nhắc lại chuyện xưa và hỏi chuyện bây giờ.

— Khi nào. Tình cờ thấy lại nhau thì cùng ngồi với nhau một lúc. Thế thôi.

— Nay, Hồ trúng số bao nhiêu?

— Hạng cuối.

— Vui đấy. S. D. cũng vậy. Bây giờ ăn uống gì cho nó vào cái số hai chục. S. D. góp vào đấy cái số vừa trúng.

Hồ định phản đối ý kiến ấy, S. D. liền nói ngay :

— Nếu không bằng lòng thế, tôi đứng dậy đi ngay. Hồ còn nhiều cái tình cảm lắm lắm. Sao lại không bắt chước người Hồng-mao.

Nàng liền móc túi áo tây — giờ Hồ mới để ý biết là S. D. không có ví đầm — lấy gọn chục bạc đưa ra, kênh cái bình hòa lên, dặt vào đấy. Thấy cặp mắt nàng quyết định lắm, Hồ đành chịu, mỉm cười và cũng lấy tiền ra, để xuống chôn lọ hoa.

Món ăn bung ra. Rượu rót vào cốc. « Hai người lặng lẽ ăn uống, lặng lẽ đối diện nhau như ở những bữa cơm nhà trọ, người từ chối bị ghép vào một mâm. Thỉnh thoảng người đàn bà lại ngăm người đàn ông đang cúi cúi mãi miết trên cốc rượu. Nhưng lúc Hồ định ngẩng lên thì S. D. lại vội cúi xuống. Hai người hình như sợ những phút nhìn thẳng vào mặt nhau. Họ uống rượu đều nhau gòm, không vội vàng và cũng không có ý kéo dài bữa ăn ra. Bữa ăn lặng lẽ mà không khi không nặng nề khó chịu. Bởi vì mỗi người đã bằng lòng nhận cho nhau là một thế giới rồi. Thế nhất là S. D. Hồ thấy tâm cảnh nàng có giống như cái nhà cửa một vị quan bị cách xoay lưng nhà ra mặt đường phố và ở mặt tường hậu ấy không có trở một khung cửa sổ nào.

Lúc dùng đến hoa quả, S. D. hỏi :

— Đi chứ?

Hồ lặng lẽ đứng dậy, trả tiền cho bồi, đã đưa trình bồi tiền ăn và bảo bồi giữ lấy tất cả chắt tiền lẻ còn thừa.

Ánh sáng ngoài đường soi vào mặt S. D. giờ đã bớt sạm vì có chút hơi rượu. Đi được độ mười bước, S. D., vẫn bằng cái giọng đều đều, tỏ vẻ, bảo Hồ rằng : « Đến ngã tư kia tôi chia tay Hồ. »

Từ đấy đến « ngã tư kia », Hồ không nói thêm một câu gì. Chàng bận vì một ý nghĩ : lâu lắm, đã lâu lắm, chàng không có dịp dùng thời giờ như thế này. Đứng đến ngã tư S. D. lên xe, không chào, không quay đầu lại.

Hồ đứng ở ngã tư ấy, chờ chuyển tằm điện về Thụy-khuê và nghĩ về S. D., chàng thấy ra xa nhau bao lâu, giờ đời S. D. đã thêm được một cái đức Khái. Buồn. Xa. Tiễn tay chàng mua của đứa trẻ hàng rong một quả bóng cao-su mỏng. Chàng thời thử xem cái cựa gà kèn ở đầu bóng có kèn không. Quả bóng đỏ càng thời càng căng càng nhạt màu rồi vỡ đánh bộp một cái, trước khi kèn kèn. Thì chuyển tằm điện vừa đến. Chàng lên. Suốt dọc đường, Hồ vẫn lặp lại trong đầu rằng lâu nay chàng không có dịp dùng thời giờ như thế này.

NGUYỄN TUÂN

MÁY XAY CHẠY GIÓ

NGUYỄN-KONTUM

MÁY xay chạy nhờ sức của gió đã có một thời-kỳ rất phồn-thịnh ở các nước Âu-châu, mãi cho đến cuối thế-kỷ thứ 19 mới bị thải-hồi vì sức mạnh của phong - trào dùng hơi nước và sau này dùng hơi các chất nhạy cháy. Nhiều người đang còn nhớ cái đoạn văn đầy tính cảm và rất xúc động của Alphonse Daudet tả cái cảnh « tiễn cựu nghề tàn » ấy trong tập « Thư gửi từ nhà máy xay » (Lettres de mon Moulin) :-

« Xứ này (chỉ xứ Provence) có phải đầu là từ trước đến nay vẫn ngủ im lìm như hiện nay đâu. Xưa kia ở đây nghề xay bột đã có một thời cực-kỳ phồn thịnh và quanh đây đến mười dặm, các chủ điền xá vẫn đem lúa đến xay . . . Các đồi quanh làng đầy đầy những máy xay gió. Trông tả trông hữu, người ta chỉ thấy những cánh xoay tròn trước gió trên ngọn thông, và lúc ngúc lên xuống ở các chặng đường, từng đoàn lừa con ọc-ạch dưới bao lúa nặng. Cả tuần-lễ, chỉ nghe trên ngọn đồi dội xuống những tiếng rơi lách-tách, tiếng vãi cánh cặng răng-rác, tiếng la « vát, tấc » của các bác thợ, cũng đủ vui cả tai. Chủ nhật đến, dân chúng kéo nhau từng lũ lên nhà máy. Ông chủ nhà máy thiết rượu mùi, bà chủ thì khăn ren choàng vai, thánh-dá vàng đeo ở cổ, trông đẹp hơn các bà hoàng-hậu trong tranh. Người ta đem dịch lên thồi thế là đất tay nhau ra múa nhảy cho mãi đến tối ngật. Thật là nhờ mấy nhà máy xay ấy mà xứ này giàu mà vui biết bao.

Nhưng rồi thay, một nhóm người ở Paris lại đặt ngay một nhà máy xay chạy bằng hơi ở cạnh con đường đi Tarascon. Thế là dân chúng đua nhau mang lúa đến đấy, bỏ mấy nhà máy xay gió thất-nghiệp. Họ cũng cố gắng chống-chọi được một lúc, nhưng hơi vẫn mạnh hơn gió, nên lục tục họ phải đóng cửa dần. Thương thay ! còn đâu những đoàn lừa ngày trước . . . Mấy bà chủ nhà máy dần dà bán cả thánh-dá vàng . . . Hết rượu mùi ! Hết

nhảy múa ! . . . Gió tha hồ thổi, cánh vẫn đứng yên . . . Mãi đến một ngày kia, làng phải ra lệnh phá sạch mấy nhà rách nát ấy đi, rồi trên đám đất không, người ta trồng nho, trồng cam lâm . . .

Biết làm sao được ! . . . Ở đời này cái gì mà khỏi có lúc thịnh lúc suy, và có lẽ cái thời của máy xay gió đã qua rồi, cũng như thời xà lan chạy trên sông Rhône, hay thời của nghị viện, và của những bộ áo dài hoa đại-dóa . . .

..

Tôi không muốn theo thi-sĩ khóc những thời đã qua, nhất lại là những thời nó không để lại một kỷ-ức gì trong di-sản của tôi. Nhưng tôi không khỏi tiếc một cái khí-cụ tinh-xảo mà mấy đời nhân-tuần đã đem đến một trình độ hoàn-toàn thiện-mỹ. Về sau, mấy nhà khoa-học và cơ-học trứ danh như Bonguer, D. Bernoulli, Euler, Confortin và Coriolis đã gia-công khảo-cứu về vấn đề ấy, nhưng kết quả cũng chỉ tìm được một căn bản khoa học cho những điều thực hành đã áp-dụng từ xưa ! Cho biết nhiều lúc nhân-tuần cũng thuận-túy lắm, nhất là nếu có vị lợi ở trong. Vậy tôi xin phác qua đại-cương vật sáng-tác hoàn-hệ ấy của Tây-phương, nếu các nhà chuyên môn ở thôn-quê thấy có thể dùng được ở xứ ta, âu cũng là một phương-kế trong muôn một giúp cho dân ta đỡ lầm-than.

Đại đề thì có hai hoặc bốn cánh lớn bằng gỗ cặng vãi, có thể xoay quanh một cái trục. Gió thổi xào cánh đẩy mạnh cánh xoay, khiến cả trục xoay theo. Nếu trục ăn khớp với một lưỡi cưa tròn, hoặc với một cối xay đá, là có thể nhờ sức gió chạy được máy cưa hay máy xay.

Gió thường hay thổi ngang, hoặc gần ngang, nếu trục cánh mà dựng thẳng thì chiều gió nào cũng có thể xoay cánh được cả, nhưng kể về hiệu-suất thì lại không lợi được bằng máy trục ngang tức là máy thường dùng từ xưa

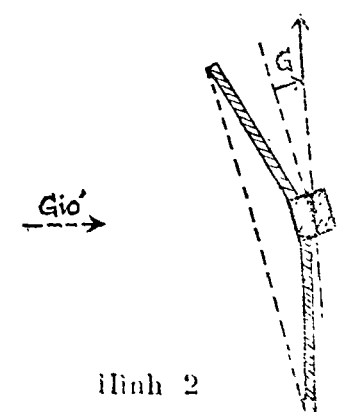
~~Trục trục cũng không ngang nan, nhưng~~
chỉ nghiêng chừng 8 đến 15° đối với đường
ngang. Thành thử lúc xoay vòng chung quanh

trục, cánh lúc
nào cũng xa
hàn chân tháp
đứng chống
máy xay. Như
thế có lẽ cốt
để cánh khỏi
chạy gần tháp
quá, vì gần
tháp thì cổ
nhiên là gió
không còn
ảnh hưởng gì
nữa. Trục ấy
lại phải quay
đầu về chiều
gió; nhưng vì
gió không
phải lúc nào
cũng thổi theo
một chiều,
vậy trong các
máy xay hoàn
hảo thì tất cả
các bộ phận
có thể quay
được để
hướng đầu
trục theo
chiều gió;
nhưng vì

muốn giản-tiện và bớt phí tổn trong lúc dựng
nhà máy nên trong phần nhiều các máy, trục

thường bất-động
và hướng đầu theo
chiều gió năng có
nhất ở vùng ấy.

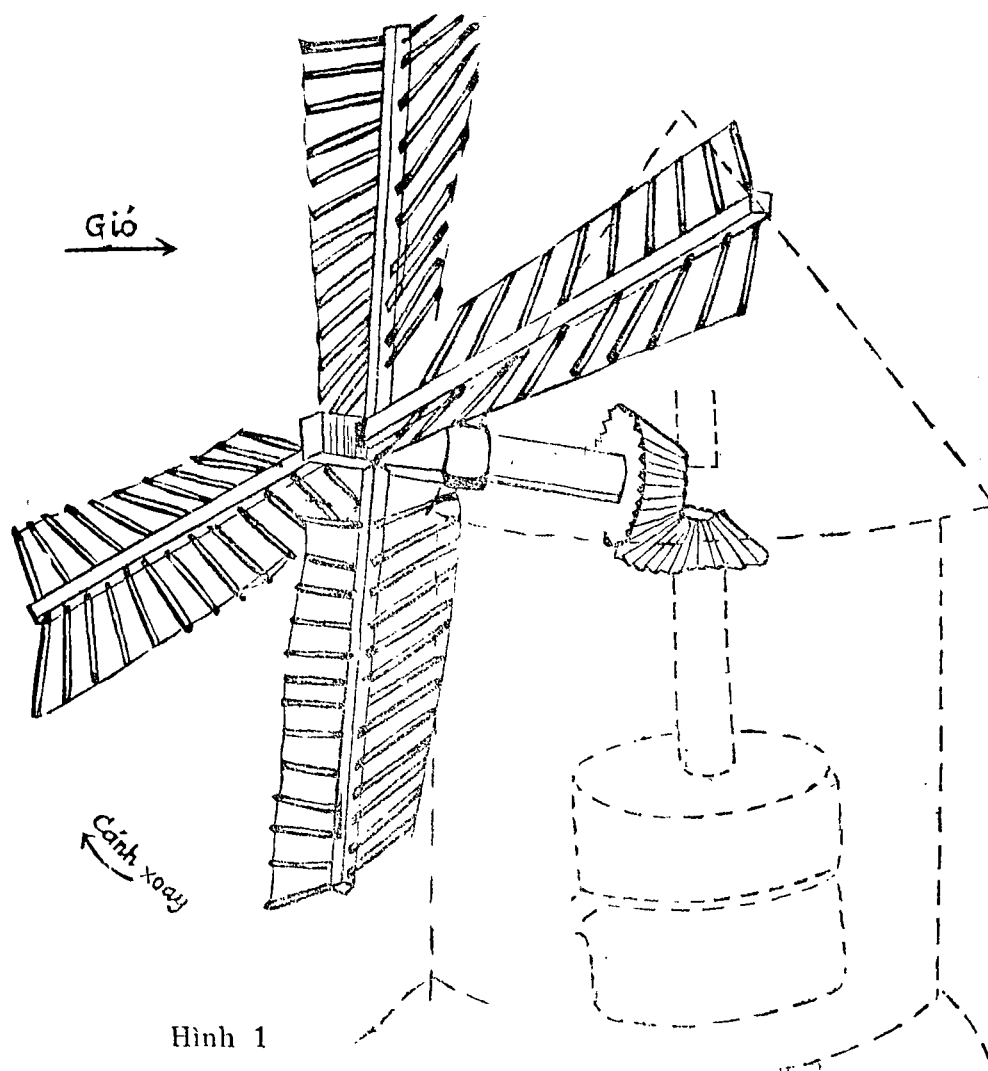
Mắc lên trục có
bốn cánh. Mỗi cánh
thường dài 12
thước, khổ rộng độ
2 thước, nhưng vải
phất cánh thường
cách trục độ hai
thước, thành thử



Hình 2

cánh thực chỉ dài 10 thước thôi. Cánh cắm
vào trục có một cái sống dài làm bằng gỗ
vuông độ 20 hay 30 phân, thẳng góc với

trục. Cách nhau độ 40 phân, có những cây
nan dài cắm hơi chọi nhau như mái nhà, để
vải căng lên trên làm thành một cái cánh hơi



Hình 1

lõm như ống xối (hình 1).

Nhưng điều quan-trọng hơn thế, là những
nan sườn không phải hẳn nằm song song
nhau, mà nếu ta nhìn theo dọc sống cánh ta
phải thấy cái nan ở ngoài thì gần như đứng
đứng (chỉ nghiêng góc G hình 2) chừng 10°
với đường đứng thẳng tức là dây dọi) nhưng
càng vào gần trục thì càng nghiêng dần và
đều-dần, mãi đến lúc vào nách cánh thì
nghiêng hẳn một góc 30° với đường đứng
thẳng. Thành vải phất trên cánh theo nan sẽ
xoay dần như đỉnh ốc, gần hơn, như cánh
quạt máy, hay như chân vịt ở tàu. Tất cả mấy
cánh cố nhiên là phải xoay cả một chiều.

Đủ điều-kiện nói trên thì nếu gió thổi từ
ngoài thổi vào cánh, các cánh bắt đầu chạy,

như cái chong-chóng trẻ con thường làm chơi bằng giấy. Gió mạnh thì cánh xoay nhanh, gió nhẹ thì xoay chậm, nhưng nếu xoay chậm thì sức yếu, làm việc ít, mà xoay nhanh quá thì cánh cũng không khăm nổi, và lại hiệu suất cũng sụt bớt. Vì vậy mà gió to thì phải lấy bớt vải xuống, lúc nào gió nhẹ thì mới căng tất cả vải. Cũng như kẻ đi thuyền buồm lúc gió to thì lo cuộn bớt buồm lại. Người ta đã biết được đích-xác rằng, hiệu-suất lợi nhất là lúc nào tốc-độ của gió V và tốc-độ của đầu cánh v hợp thành con tỉ-số bất-định:

$$\frac{V}{v_1} = 0.413$$

nghĩa là nếu, tốc-độ của gió vào chừng 10 thước trong một giây (tốc-độ thường của những cơn gió «tốt») thì cánh mà dài 12 thước phải quay 8 vòng trong một phút; gió mạnh hơn thì cố nhiên phải lột bớt vải phía đầu cánh. Cũ gió như thế, một chiếc máy xay trung-bình cũng làm được việc như 9 con ngựa khỏe (mã-lực) hoặc như 225 người khỏe. Mà như thế cứ tuần-tư cả ngày đêm, nếu gió cứ thổi luồn. Số tiền bỏ ra dựng máy hẳn

không thể đắt được, với vật-liệu của xứ ta như tre nứa để làm nan, đệm buồm để làm cánh. Mà công dụng thì có thể rất nhiều: quạt thóc, xay lúa, giã gạo và nhất là đập nước. Trong miền trung, chẳng ta thường dùng cái xe đập nước (vì ruộng cao) mỗi xe phải hai người đập, mỗi ngày làm việc độ 10 giờ, nếu ta so sánh, sẽ thấy một cái máy xay gió, dù gió yếu chẳng nữa, cho xuống một nửa đi, và cho gió thổi một ngày trong 10 giờ đi, thì cũng còn bằng được hơn trăm công thợ. Vậy cái lợi thấy chắc chắn, và nếu thực-hành được, công của dân quê ta sẽ nhẹ đi, và nhất là đến mùa viêm nhiệt, sẽ khỏi thấy cái cảnh đau lòng hàng trăm mẫu ruộng bỏ khô, lúa gần như cháy vì thiếu nhân công tát nước vào ruộng.

Một bài sau, tôi sẽ bày ít cánh gần đi để xét chiều gió và đo tốc-độ gió để ai là người lưu-lâm đến vấn-đề này có thể tự mình nghiệm xem ở vùng mình gió có đủ mạnh và đứng chiều để nghĩ đến cách lợi-dụng cái sức mạnh thiên-nhiên ấy.

N. N. M

**Đ
C
B**



NHÀ XUẤT BẢN THỜI-ĐẠI

Số 214, Hàng Bông — HÀ NỘI

Ngân-phiếu đề cho: Ô. ĐỎ-HUÂN

ĐẠI LÝ KIP BIÊN THU-DÀNH TRƯỚC SỔ SÁCH MÌNH CẦN BẢN

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ

Một bức thư cần kíp gửi cho anh
của HOÀNG-ĐẠO TI Ứ

TRUYỆN CỜ NƯỚC NAM

Giá: 2\$60

«...Làm người Nam nên biết truyện cờ nước Nam. Tình thân/ người

Nam hiện ra ở đây, tình-hoa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đây»

Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC

VIỆT-NAM NHẠC PHỔ

Đã có 4 bản, mỗi bản 0\$20

Những điệu chèo cổ do Nhạc-SĨ NGUYỄN-XUÂN-
KHUẤT ghi chép bằng ký-âm-pháp Âu-Ây

XÃ - HỘI VIỆT - NAM

TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHÂN dịch

BAI THỨ XVII

V. — Jean Baptiste Tavernier

CHƯƠNG THỨ IV

Nền thương mại của xứ Đàng ngoài. — Những nguồn lợi lớn là tơ lụa bán cho dân Hòa-Lan và dân các nước khác và gỗ trầm hương.

Trong lập du ký về Ấn-Độ tôi đã nói về tính chất gỗ này: thứ tốt và mỡ cở thề bán một nghìn đồng một cân; thứ xấu không mỡ thì một cân giá có ba đồng thôi và chỉ có dùng để làm hộp nhỏ hay hột đeo cổ. Tất cả những dân Hồi hồi, nhất là những dân dê râu dài (Thổ, A-lạp-bá) rất mến chuộng gỗ trầm; khi có khách đến, họ mang lò hương ra, bẻ một chút trầm bỏ vào lò khói và hương trầm quyện lẫn rồi họ và họ giơ tay lên giới kều Elhemed Illahh, gỗ mỡ thì một chút nhỏ như hạt đậu và trước khi đốt đem nhúng vào nước cũng tỏa nhiều khói hơn một miếng trầm xấu to bằng nắm tay. Nền khi trầm đã lốt quá mực thì không có giá nào nữa. Năm 1642 khi Dom Jean Quận Công De Bragance đang quang thị kiều dân Bồ Đào ở thành Goa sang Nhật Bản tìmặng vật biếu: quý nhất là một cây gỗ trầm cao sáu thước và tròn hai thước, mua hết bốn vạn pardos, vào khoảng năm vạn bốn nghìn tiền ta. Khi qua Ba-tư tôi có thấy cây gỗ ấy ở trú sở các cha Augustins đem từ Nhật về. Vì không đem về, tiền vua Bồ-đào được, họ định đem dâng vua Ba-Tư, nhưng khi đi bị đường có bão, các hàng hóa bị ướt, cây trầm thấm nước biển, đến Goa, mọi thứ đều hư hỏng cả, cây trầm bị ẩm và mục mất một phần nên dù có đem sang Ispahan cũng không dâng vua Ba-Tư được nữa. Cổ bề trên giòng Augustins có cura cho tôi một miếng đem về Paris cho ông Brunier, là lương y của nguyên Quận vương d'Orléans.

Buôn bán với người Đàng ngoài biết trọng tín nghĩa và thực thà, thích và lợi hơn với

Hoa-Kiên sẵn lòng lừa ta nên có thể được vì thật khó mà biết khoe mánh họ đề mà đề phòng được. Riêng tôi đối với Hoa-thương thường bị thiệt luôn: khi họ buôn mà không có lợi thì họ gỡ ra bán; cách này: trong việc giao dịch họ có ba thứ tiền; tiền đúng phân lạng, tiền nhẹ hơn bốn phân, tiền nhẹ hơn tám phân. Nếu họ không muốn mua hàng của mình thì họ đem thứ tiền nhẹ nhất họ đã xén bớt cạnh đi để giả cho mình và như thế mình bắt buộc phải hủy giao kèo. Trên thế gian này không có bọn lái buôn nào tinh khôn bằng; cái gì họ cũng mua, không từ chối thứ gì đi mua cả giấy cũ, mình bán một chiếc, họ cũng mua không hỏi tại sao mình không bán chiếc kia. Người Đàng ngoài thì buôn bán thực thà hơn nhiều và ta rất vui thích được giao thiệp với họ. Tôi đã nói họ không có mỏ vàng, mỏ bạc và họ không đúc tiền, do buôn bán họ dùng những miếng vàng đem ở Tàu sang có miếng giá ba trăm đồng tiền ta, có miếng sáu trăm đồng. Họ cũng tiêu thụ những thỏi bạc mua từ Nhật-bản sang: khi phải giả những số tiền nhỏ, họ cắt những thỏi này ra thành những miếng vụn đã sẵn có cân giống như cân la mã để cân, hoặc họ giả bằng tiền ngoại quốc, nhất là tiền Ý-pha-nho. Vàng và bạc mua được ở Tàu hoặc Nhật sang là do số lơ, hương xà và trầm hương họ bán ra rất nhiều.

CHƯƠNG THỨ V

Bình thủy và binh bộ xứ Đàng ngoài. — Những người viết sách trước tôi đã phóng ra xa quá và đã gán cho xứ này một số binh thuyền dị thường quá: như tại ngũ có vạn hai ngựa, hai nghìn voi vừa để dự chiến vừa để chuyên chở lều nhà, đồ đạc của các vua chúa, ba mươi vạn bộ binh và ba trăm chiến thuyền trong xứ lại sẵn lương thảo dồi dào, lúc cần qua binh lính được quá năm mươi vạn nhưng ta có thể nói nhiều về những điều đã viết ấy.

Dưới đây là số lính mà chính mắt em tôi nom thấy năm 1643 là năm chúa Trịnh định cất binh đánh chúa Nguyễn về việc dân Đàng trong đã cướp mất mấy chiếc thuyền, nhưng việc ấy lại yên vì chúa Nguyễn có sai sứ ra giảng hòa nên chúa Trịnh lại thôi.

Đạo quân sắp sửa lên đường lúc bấy giờ có tám nghìn ngựa chín vạn bốn nghìn bộ binh, bảy trăm hai mươi hai con voi chiến và khiêng tải đồ đạc, ba trăm mười tám chiến thuyền và ghe dài hẹp, chạy bằng buồm và bơi chèo.

Đời lính thì vất vả và bất lợi lắm : vì đã phải đi suốt đời, lại không được làm thêm nghề gì để nuôi vợ con. Những hôm không phải phiên canh thì họ lại phải đi theo chủ帥 bất cứ đến đâu và mỗi tuần lễ phải đi tập bắn cung hai lần, mỗi một đội có từ một trăm đến một trăm ba mươi người : trong đội hai người bắn giỏi được thưởng : nhất thì hai tháng lương, nhì thì một tháng, trả bằng thóc. Còn ai bắn dở nhất thì phải phạt gác nhất bội nhị. Các vị đội trưởng đều chăm nom cho binh khí của lính luôn luôn được bóng và sạch như bạc : nếu khí giới han gỉ thì lần thứ nhất lính bị trừ tám ngày lương, lần thứ hai bị đòn phạt,

Lính thủy cũng bị đối đãi tựa tựa như vậy ; bộ binh, vào những ngày nhất định, cũng phải lên chiến thuyền để tập chèo ; vì các vua chúa đây thích xem những cuộc bơi thuyền chiến và các ngài đến ngự vài ngày tại một tòa nhà cất trên bờ sông. Đội nào mà thắng thì viên đội trưởng vui vẻ hết sức, được vua thưởng một con voi. Trong lúc chèo, vì cố sức cũng có người chết tay vẫn cầm bơi chèo : như thế thì vua ban thêm cho đội trưởng ba tháng lương, cho vợ con tên lính hai trăm công.

Số tiền chuần cấp ấy ít ỏi lắm nhưng những vợ những người lính này, lấy chồng từ ngày còn nhỏ, đã quen làm lụng như những người ở giai cấp dưới và đã học thêm được một nghề để gánh vác gia đình.

Các đội trưởng còn phải lập cho voi chiến không sợ hỏa pháo ; phải xây trên bờ sông bờ bãi những gian nhà để kéo thuyền chiến lên và che cho khỏi mưa bão.

Trưởng sĩ mỗi tháng chỉ được nghỉ bốn ngày : hai ngày vào lúc thượng tuần, hai ngày vào trung tuần.

(Còn nữa)

SÁCH MỚI:

CUỘC TIẾN HÓA VĂN HỌC VIỆT-NAM	
KIEU THANH QUE — Giá . . .	2, 50
NGƯỜI CHIẾN QUỐC	
VŨ TRỌNG CAN — Giá . . .	2, 50
THANH ĐẠM	
NGUYỄN CÔNG HOAN — Giá . . .	4, 50
THẮNG CON TRAI	
LÊ VĂN TRƯỞNG — Giá . . .	2, 00
KỂ ĐẾN SAU	
LÊ VĂN TRƯỞNG — Giá . . .	3, 00
BIỆT THỰ TRIỀU HƯNG	
BÙI XUÂN NHƯ — Giá . . .	1, 00
GIỌT MÁU SAU CÙNG	
PHAN TRẦN CHÚC — Giá . . .	1, 20
NGƯỜI-MẸ TỘI LỖI	
LÊ VĂN TRƯỞNG — Giá . . .	3, 20
MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM MỚI (in lần thứ tư) THÁI PHỈ — Giá .	1, 20
SÓNG GIÓ ĐỒNG CHÂU (in lần thứ hai) THÁI VI LANG. G	2, 00
THANH NIÊN KHỎE	
ĐÀO VĂN KHANG — Giá . . .	1, 00
MUỐN HỌC GIỎI THÁI PHỈ.	1, 00
LUẬN VỀ TIẾNG NAM	
NGÔ QUANG CHÂU — Giá . . .	0, 70
PHỤ NỮ VỚI GIA ĐÌNH	
DŨNG KIM — Giá . . .	2, 00
PHỤ NỮ VỚI HÔN NHÂN	
VIÊN ĐÌNH — Giá . . .	1, 50
CÁI ĐẸP VỚI NGHỆ THUẬT	
LAN KHAI — Giá . . .	1, 00

SÁCH HỌC SINH ĐỜI MỚI

Hay ! Lạ ! Vui ! Đẹp ! Bỏ ích cho tinh thần !	
NĂM BỘ DA DẾ PHAN TRẦN CHÚC. . . .	0\$30
HAI CHÀNG HIỆP KHÁCH NGUYỄN LƯƠNG BÍCH . . .	0, 30
SÁM HỒI NGUYỄN XUÂN HUY. . . .	0, 30
XU TỬ ĐÁ NGUYỄN XUÂN HUY. . . .	0, 30
TỜ BẢO HẰNG NGÀY PHẠM CAO CỬNG. . . .	0, 20
PHẠM NHẬN PHAN TRẦN CHÚC. . . .	0, 20
LẦY CHỒNG CỢP LÊ VĂN TRƯỞNG. . . .	0, 80
THẮNG NGỐC THÁI PHỈ . . .	0 15
ĐỒNG TIẾN MA MICRO. . . .	0, 30
CƠN CHIM ĐÀU ĐÀN LÊ VĂN TRƯỞNG. . . .	0, 15

và nhiều sách giá-trị khác nữa... Muốn có bản thống kê các sách đã xuất bản, xin gửi tem 0\$06 cho :

Nhà xuất bản ĐỜI-MỚI

■ 62, Hàng Cót — HANOI ■

=== Giờ nay nói: 16.38 ===

TỔ CHỨC HIỆN THỰC CỦA NỀN KINH-TẾ DÔNG-DƯƠNG

(1)

== BỔ ĐỨC DỤC ==

(Tiếp theo kỳ trước)

Về phần các nhà tiểu-công-nghệ và kỹ-nghệ Đông-dương, họ rất hoạt-động và cố sức chế-tạo ra những phẩm-vật tiêu-thụ trong xứ mà trước kia vẫn phải nhập-cảng.

Người thợ Việt-Nam, khéo léo không kém gì thợ ngoại-quốc, nay vì sự nhập-cảng bị đình-chỉ được kích-thích vô cùng, duy sự khan nguyên-liệu giới hạn hoạt-động của họ. Dù sao sự cố gắng và óc sáng-chế của họ đã giúp một phần không nhỏ vào việc cung-cấp phẩm-vật cho xứ này. Vì vậy mà Chính-phủ tìm hết cách để khuyến khích họ. Các kỳ thi mở ra cho người thợ có dịp trưng bày và quảng-cáo những vật sáng-chế của mình. Tiền thưởng và huy-chương phân phát cho người tròng giải, và ở Hội-chợ Hà-nội và Sài-gòn có dành riêng cho tiểu-công-nghệ một chỗ vinh-dự.

Vấn đề kỹ-nghệ khó giải-quyết hơn. Trước hết phải chế ra được ngay tại chốn một số những sản-vật cần để tồn tại nền kỹ-nghệ trong xứ, hoặc những tạo-phẩm hoàn-bị trước kia vẫn phải nhập-cảng. Mặc dầu những nỗi khó khăn trong sự sắp đặt công việc, mặc dầu những sự lãn mò thí-nghiệm và những thất bại, đại để kết quả cũng đã gần được như ý. Thí-dụ người ta đã làm ra lấy được thuốc nổ, chất chlorate de potasse để làm diêm, chất carbonate de soude, chất lán, chất gang, và những chất nhờn mỡ dùng cho xe hơi và các máy hơi nước. Người ta cũng phải nói đến kỹ-nghệ lọc cồn chạy máy, kỹ-nghệ làm máy chế hơi than (trong một năm từ số 500 máy người ta đã làm được tới số 2000), do đó 40-1. việc vận-tải bằng xe hơi còn giữ được.

Sự sản-xuất than củi đốt lấy hơi là công-trình của Sở Kiểm lâm, họ đã chú-ý khảo-cứu về vấn-đề đó từ trước hồi chiến tranh. Những khu rừng lớn bắt đầu được tuần-tự khai thác.

Ở những miền xa-xôi, người ta đặt lò và mộ nhân công đến cho họ chuyên-môn. Số máy chế hơi than tăng lên đủ tỏ rằng chương-trình tháo ra đã thi-hành được đầy đủ mà còn quá sự ước-vọng là khác nữa.

Xem như thế, trong cuộc « chiến-tranh xuất-sản » kia, bao nhiêu lực-lượng đều huy-động cả : nhà tiểu-công-nghệ cũng như nhà kỹ-nghệ, mỗi người ở một địa-hạt, đều ganh đua gắng sức và gom góp một phần.

Tuy-nhiên người ta còn phải chỉnh-lý những sáng kiến rải rác, hướng dẫn những gắng-sức của tư nhân và định cho sự xuất-sản một mối chỉ-huy duy-nhất, nếu không nó sẽ hóa ra hỗn-loạn. Vì vậy mà đã thiết-lập một Hội-đồng xuất-sản về kỹ-nghệ và những Ủy-ban địa-phương về tiểu công-nghệ. Hội-đồng trên, sát-nhập vào sở Tổng-thanh-tra các Mỏ, có nhiệm-vụ là khảo cứu những vấn-đề về kỹ-nghệ xuất-sản và tháo một chương-trình toàn-thể về việc kỹ-nghệ hóa xứ này. Những ủy-ban sau, đặt bên cạnh mỗi cơ-quan hành-chính địa-phương, giữ việc đề nghị những phương-châm khả dĩ giúp đỡ và mở mang các ngành tiểu-công-nghệ và giúp sức các nhà công-nghệ trong sự hoàn thành những phương-pháp chế-tạo. Sự hoạt-động của các cơ-quan trên đây đã có kết-quả trong nhiều ngành công-nghệ (nghề làm khóa, hàng đồng và sắt, thủy tinh, nghề dệt, v. v. . .)

III.— Sự vận-tải hàng hóa và chính sách kiểm-soát giá hàng

Xuất-sản chưa đủ, Chính-phủ còn phải lo tới chức sự phân-phối và cung cấp hàng trong xứ. Vì tình-thế, cần phải thi-hành những phương-pháp để làm thỏa-mãn những nhu-cần về sự vận-tải bằng xe lửa, khu mà những nhu-cần kia có quan hệ cho sự sinh hoạt trong xứ. Được liệt

vào hàng « vận-tải quan-hệ cho sự sinh-hoạt » những sự chuần chở một là thuộc về những kỹ nghệ và kinh-dinh thiết yếu trong xứ, hai là thuộc về sự cung cấp cho toàn hạt Đông-dương. Sự kiểm-soát về việc vận tải bằng đường sắt, thi-hành từ một năm nay, mục đích là bảo-toàn sự phân phối hoàn-hảo các toa xe lửa cho người dùng, tùy theo thứ-tự cần-thiết nhiều hay ít. Sự kiểm-soát đó dựa vào mấy nguyên-tắc sau đây :

1-) phân-biệt những việc chuyên chở quan-hệ cho sự sinh hoạt cần phải lo trước, và những chuyên-chở về sự buôn-bán thường vẫn phải theo những đàng-lẽ cũ và chỉ được thỏa-mãn trong giới-hạn số xe có thừa.

2-) Về hàng vận-tải trên, có ba sở nhận đơn (Tổng-thanh-tra Công-chính, Tổng-thanh-tra Mỏ, và nha Kinh-tế) ba sở đã chia nhau kiểm-soát sự hoạt-dộng kinh-tế trong xứ.

3-) mỗi nửa tháng, một ủy ban chỉnh-lý ở Hà-nội do các đại-biểu của ba sở trên đây họp thành, thảo ra một chương-trình vận-tải và định thứ tự cần-thiết để chấp-hành những đơn xin.

Về việc dùng đến triết đề và tăng gấp sự toàn chuyên của đội thương thuyền ở Duyên-hải Đông-dương, Chính-phủ thuê lại hết các tàu để có thể tự kiểm-sát lấy tất cả sự ứng-dụng.

Vì những phương-pháp trên đây, các nhu-cần thiết-yếu về « nội-thương » được thỏa-mãn. Sự khủng-hoảng về thực-phẩm trọng yếu như gạo, đường . . . xảy ra ở Bắc kỳ và Trung-kỳ dần dần dẹp đi vì sự chuyên chở những thực-phẩm đó từ Nam ra được lo trước tiên.

Hàng hóa được chở đến nơi tiêu-thụ giờ đem bán đi theo giá nào ?

Đông-dương tất nhiên phải chịu ảnh-hưởng của sự tăng giá hàng ở thị trường thế giới. Sự lên giá của hàng nhập cảng, sự thành lệch giữa cung và cầu ở thị trường trong nước, sự lưu-hành tiền tệ lằng lằng, đó là những nguyên nhân tăng giá hàng. Thêm nữa, sự cần-thiết trong việc khẩn cấp tích-trữ hàng hóa phải mua bằng giá rất cao ở thị trường bên ngoài nhưng vì cần cho nền kinh-tế trong xứ, việc chuyển

trương sự xuất-sản bên trong bằng hình sách cho bán giá hời như về hàng chẳng hạn làm cho không thể nào giữ giá hàng trong một mức vừa phải tương-dương với sức mua của những hàng người tiêu-thụ, mà lợi tức nhất định, không biến-chuyển theo nhịp maut chống của công-việc giao-dịch.

Dù sao cũng phải can thiệp vào để che-chở người tiêu-thụ trước sự trục lợi của kẻ trung-gian. Vì vậy mà Chính-phủ định chủ nhà buôn một số tiền lãi tối đại, và có những hội-đồng hóa-giá kiểm-soát giá bán và xét kỹ những yếu-tố thích đáng để định đoạt sự tăng giá hàng theo những đơn xin. Muốn cho những quyết-nghị kia được thi hành chu-áo, cửa hàng nào cũng phải cheo biển yết giá và một đội « kinh-tế cảnh-sát » thiết lập để tra-xét và truy-nã những vi-phạm luật-lệ.

Những người ta cũng đã biết trước rằng phương-pháp giản-dị và trực tiếp kia đưa đến chỗ tích-trữ hàng để đầu cơ. Những phẩm-vật bị đánh giá sẽ biến đi và sự mua bán đổ xô vào « chợ đen » trong đó giá hàng tăng đến những con số quá đáng, vượt sức mua của người tiêu-thụ hàng trung-bình. Sự đầu cơ phần nhiều chính từ người mua gây ra, Hà, vì lợi-điễn hay vì cần gấp hàng hóa, để cho kẻ khác lợi-điễn. Những phương-pháp nghiêm-đặt phải đem thi-hành để chống lại sự tích kia nó làm cho luật lệ về hóa-giá không còn có hiệu quả nữa. Vì vậy mà một đạo-lệnh ngày 23 Jun 1941 lập ra một Tòa-đại-hình riêng để xử những người mà quan Toàn-quyền giao cho, vì đã vi phạm vào những luật lệ hóa-giá hàng bảo những điều 419, 420 và 421 của bộ Hình-luật. Cách-thức tố-tụng rất là giản-dị và nhanh chóng. Viên chánh-án, theo lời yêu cầu của ủy viên Chính-phủ, có thể hạ trát tróc nã hoặc tổng-giảm : những lời phán-nghị của tòa đó không thể chống án được và chấp hành ngay trong hai-mươi bốn giờ.

Chế pháp mới về hóa-giá ở Đông-Dương sẽ quyết-định do sự thi hành đạo-lệnh ngày 14 Mars 1942, luật này vừa bổ-lưu-lu-chính và « tập-hợp » (codifie) chế-độ hóa-giá ở những địa-hạt thuộc quyền quan Tổng-trưởng-thuộc-địa. Theo đạo-lệnh đó, những giá hàng, sẽ định do nghị-định

của các vị thủ-hiền từng xử sau khi hồi-y kiến của Hội-đồng hóa-giá. Ở những cơ quan này, những đại-biểu của các nghiệp đoàn được giữ địa-vị quan-trọng.

Còn về việc kiểm-sát giá hàng có những nhân viên riêng được phép dùng những phương-sách hành-động mới như sự tích-trữ là quan-trọng nhất. Lại thêm có những hình phạt về hành-chính cũng như về tư-pháp nghiêm-khắc và quan-trọng hơn xưa.

Một ca đặc-biệt về chế pháp hóa-giá đáng chú ý là về giá thuê nhà.

Ở các thành-thị lớn của Đông-Dương tình hình thiếu nhà ở, bấp-bằng và nghiêm-trọng : nhu-y nguyên-nhân chính là sự tăng giá vật-liệu xây nhà và sự lằng lằng dân-số ở thành-thị. Thành ra phải có một lần tăng giá một lần bỏ ra để định sự giao thiệp giữa chủ và người thuê nhà. Từ nay, mặc dầu hợp-đồng đã ký, giá cho thuê của những nhà xây trước và sau ngày 1er Jan-vier 1938 không được quá giá đã định vào ngày đó, giá của đá lang lên hàng lên 20% và hàng dụn 25% rồi. Những người thuê nhà ai có quyền được ở thêm trong một khoảng hạn tương-dụng tự-nhiên là một năm sau khi chiếm-tranh chuần-thức định-hệ. Tự-nhiên quyền-lợi người chủ nhà vẫn còn được bên-vực trong đạo-sắc-lệnh ngày 13 Mai 1942, cho phép người thuê được lấy lại nhà theo vài điều kiện : lấy lại nhà để xây lại hoặc sửa chữa quan-trọng, hay để chỉnh minh ở hoặc cho vợ con, bố mẹ ở ; nếu chưa lại thì phải làm ngày không được để quá ba tháng kể từ ngày người thuê dọn đi lấy lại bất cứ về cơ gì cũng phải báo cho người thuê biết trước sáu tháng v. v. . . Những mới đây hai đạo-sắc lệnh ngày 15 Avril 1943 và 31 Mai 1943 kể tiếp bãi bỏ cả quyền chủ nhà hoặc lấy lại để sửa chữa, hoặc lấy lại để cho mình hay vợ con ở (1). Như thế thì người đi thuê đã được pháp-luật che chở đến triệt-đề vậy.

IV Đoàn-thể nghề-nghiệp

Xem như trên đây thì chính-phủ đã hoạt-dộng để giải các địa-hạt về kinh-tế. Do đó xứ Đông-Dương khá dễ thuận-ứng được với những trương-hợp-cục-kỹ-kho-khan trái-quá, và giữ vững được sự hoạt-dộng mà hai kỳ hội-c, q-triên-lâm

Hà-Nội và Sài-gòn đã biểu-hiện một cách rõ-ràng.

Thêm nữa ta cần biết Chính-phủ lại đem áp-dụng ở Đông-Dương chế-đo nghề-nghiệp đã đặt ra ở bên Chính-quốc để bước từ một nền kinh-tế tự-đo sang một nền kinh-tế lo-chức theo hình-thức « nghiệp-loan ». (forme corporative) (1).

Tất cả các nghề-nghiệp, ngoài những nghề có liên-vạch gia-dinh và tiểu-tông-hệ, đều sát nhập vào một trong sáu đoàn-thể sau đây : « khai-mỏ, kỹ-nghệ, oản-tải, canh-nông, thương-mại và ngân-hàng » Những đoàn-thể trên đây, mà sự hoạt-dộng sẽ phân-phối giữa các khu-vực và tiểu-khu-vực thuộc-địa, đều đặt dưới những huân-lệnh với cao cấp quản Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa, cạnh ngài có một Ủy-ban trưởng-tổng hiết việc nghiên-cứu và đề-nghị tất cả những phương-pháp quản-hệ đến các nghề. Việc huân-lệnh và điều-hợp những phương-pháp đó thuộc quyền những ủy-ban chủ-chức nghề-nghiep tương-hợp với sáu đoàn-thể trên kia.

Sự hoạt-dộng của các nghiệp-loan này đặt dưới quyền kiểm-soát của viên Liên-đoan-trưởng, viên đa cùng những người trung-gian là những ủy-viên của Chính-phủ mà chính mình đề-cử, trong qui việc xử-hành những quy-lắc về nghề nghiệp do Ủy-ban trung-ương đặt ra và những luật-lệ toàn-thể của xứ Đông-Dương.

Để chỉnh-lý những cố-gắng của các đoàn-thể và để liên-lạc những đoàn-thể kia, lại đặt ra, dưới quyền chủ-loa của viên Giám-Đốc nha kinh-tế, một Hội-ngữ Kinh-tế Đông-Dương gồm có những đại-biểu thương-trực của các nghiệp-loan thuộc-địa và những ủy-viên của Chủ-h-phu trong những khu-vực thuộc-địa của các đoàn-thể kia. Hội-ngữ trên đây họp do viên trưởng-ban triệu-tập, và mỗi năm hai lần có phiên bất-thường do quan Toàn-quyền chủ-loa. Nhiệm-vụ của hội-ngữ là báo cáo với chính-phủ những nguyện-vọng và nhu-cần của các nghề mà hội-ngữ đại-diện và giúp Chính-phủ để xác-định các chính-sách kinh-tế của Đông-Dương.

Đại-khai hội-đồng đó như một viên cổ-văn chuyên môn của Chính-phủ về việc kinh-tế.

(1) Chữ Corporatisme của Pháp, dịch là chế-độ « nghiệp-loan » nên phân biệt với chữ « Syndicalisme » dịch là chế-độ « công đoàn », hai chế-độ đó thực khác hẳn nhau.

(1) Xem Thanh-Nghị số 40 ngày 1er Juillet 1943

Nói tóm lại ngày nay bỏ hẳn chính-sách kinh-tế xưa, chia rời-rạc ra từng kinh-dinh tự-trị, mỗi ngành chuyên tìm mỗi lợi lớn nhất cho riêng mình. Cách tổ-chức kinh-tế mới là kế-tiếp những khu-vực có chỉnh-đốn, trong đó sự kích-thích bằng mỗi lợi không còn nữa và thay bằng một phương-châm mới mẻ cho nhà cầm-quyền định đoạt.

Nghề-nghiệp không còn bị hướng-dẫn tới những cửa-cánh vị-kỷ và vị-lợi mà được đưa tới những mục-dịch hợp quyền-lợi-chung.

Cải nhiệm vụ ủy-thác cho những đoàn thể trên đây, vừa có tính cách nghề nghiệp, kinh-tế và xã-hội, là tìm một tổ-chức và nghề-nghiệp hoàn thiện hơn và nâng cao địa-vị của người làm công. Những đoàn-thể ấy giữ việc thừa-hành những quyết-định của quan Tổng-trưởng bộ thuộc-dịa theo đề-nghị của Ủy-ban trung-ương. Những quyết-nghị đó đặt ra một chương-trình toàn-thể về sự xuất-sản và mua bán sản-vật, lại định rõ những điều-luật chung về hoạt động của mọi kinh dinh như sự dùng nhân-công, sự mua và phân-phát nguyên-liệu, những thuế-thù và sự hao đổi hàng hóa và công-việc, v. v. . .

Nhiệm-vụ kia chính là do những đạo luật tổ-chức định cho những đoàn-thể nghề-nghiệp ở thuộc-dịa. Nhưng, riêng ở xứ Đông-Dương, nó có khuynh-hướng chứ nên rộng-rãi hơn, theo lời tuyên-bố của Phó-đô-đốc Decoux trong bài diễn-văn khai-mạc Hội-nghị Kinh-tế Đông-Dương.

« Bản-chức thiết-nghĩ rằng ở những trường-hợp hiện-thời các ngài phải được rời ra để công-đáng một nhiệm-vụ hoạt-động.

« Sự kinh-nghiệm đã chứng rằng Chính-phủ thiếu tư-cách về việc tổ-chức kinh-tế. Cho nên ý bản-chức định nhờ sự giúp đỡ của những đoàn-thể các ngài, coi như những pháp-nhân (personnes morales) và những công-vụ chính-thức theo nghĩa rộng của nó.

« Dân-dân bản-chức sẽ thương-nghị cùng các ngài để làm trọn nhiệm-vụ kia. Đó chính là một sự-vụ mà mục-dịch là làm thỏa-mãn những nhu-cầu của dân-chúng, và các ngài nên sử sự theo quan-điểm đó. Vậy nên đoàn-thể các ngài phải hoặc tự mình lo bảo-toàn sự thừa-hành công việc kia, hoặc giao-phó cho những cơ-quan tự mình thiết-lập ra mà quản-lý. Tất nhiên thế không phải là cho phép vài kinh-dinh được độc-quyền về thương-mại, mà là giao-phó sự quản-lý một công-vụ, có độc-quyền hay không, cho một

pháp-nhân thuộc công-pháp (personne morale de droit public).

« Rất nhiều chức-vụ về kinh-tế như sự phân-phối và cấp-phát một nguyên-liệu, sự tổ-chức và phân-chia cho người tiêu-thụ, sự thu-hoạch một phẩm vật cần-thiết cho một kỹ-nghệ «sinh-tử», sẽ phó-thác cho những ủy-ban liên-nghiệp đặt dưới quyền kiểm-soát của một Ủy-viên của Chính-phủ.

« Có như thế chế-độ nghề-nghiệp Đông-Dương mới thực đạt tới nhiệm-vụ hoạt-động là tổ-chức sự xuất-sản, nó chính là mục-dịch cứu-cánh của chế-độ nghiệp đoàn (système corporatif).

Đề kết luận bài này, trong một số báo sau, chúng tôi sẽ nói đến Chính sách nghiệp-đoàn (le Corporatisme), định nghĩa và giá trị của nó.

ĐỖ-ĐỨC-DỤC

TIẾNG HÁT CỦA ĐÀO NƯƠNG

(Tiếp theo trang 18)

Cho nên Đào nương đã không được hát « hơi ngoài » nhiều, không được ngân nga bằng đủ các âm a, ơ, ôi, ôi, hi, như ca công của lối hát chèo, vì lối hát ở đào đây là một lối ca nhạc ở chốn đình trung ở nơi chiếu rợp khay trà, không phải là một lối ca nhạc ở sân khấu. Đào nương chỉ được dùng « hơi trong » nhiều, chỉ được ngân nga bằng có một âm « ư » . . . đủ để gây một vẻ cổ-khnh, nghiêm nghị, tao nhã và kín đáo trong những khi cúng tế, những lúc thủ tạc.

Tính chất tiếng hát của đào nương

Sau khi đã biết được hình dạng lực lượng bộ phận phát âm, cùng tính cách một ngôn ngữ ảnh hưởng đến tánh chất của tiếng hát ra làm sao, và phạm vi công dụng lối hát buộc ca công phải hát thế nào, thì chúng ta không những là hiểu tại sao tiếng hát của đào-nương lại: nhẹ nhàng, mềm mại, uyển chuyển và trong trẻo mà không sáng hơn nữa, chúng ta lại còn có thể tự hào rằng không một tiếng hát nào ở trên thế-giới này có thể đẹp như tiếng hát của đào-nương; huống hồ đào nương lại còn có bao nhiêu mảnh khoe để uốn nắn tiếng hát để, như trong nhà nghề hương gọi, bắt tròn, bắt chọt, bắt chênh, buông, đỡ eo kén, nghĩa là những cái khéo léo của đào nương về môn hát mà chúng tôi sẽ nói đến trong bài « Nghệ thuật hát » sau đây.

NGUYỄN-X-KHOÁT

Kỳ sau : Nghệ thuật hát
của Đào nương.

TÌNH HÌNH KỸ-NGHỆ ĐÔNG-DƯƠNG TRONG HAI NĂM VÙ'A QUA

VÙ ĐÌNH HÒE

Trong những kỳ trước (T. N. số 40, 41) có nhiều con số và nhều đoạn, vì một lẽ riêng, không' đăng được, thành ra ở nhiều chỗ bài kỹ thuật bị gián đoạn và không minh bạch. Nay nhân cuốn « Đông Dương kinh tế tập san » (1943 — tập II) ra ngày 20 Juillet 1943 có đăng một bài nói về « Chính sách kỹ nghệ hóa Đông Dương », trong đó nhiều tài liệu mới đã được công bố, nên chúng tôi lại cho ra những đoạn nói trên để bổ khuyết những bài kỹ trước.

Kỹ-nghệ khai mỏ và đúc khoáng-chất

TRONG bài đăng ở số 40, về kỹ nghệ mỏ, tôi đã nói rằng sức sản xuất sút hẳn đi vì những nỗi khó khăn về vận tải và sự phồng toả, số quặng dùng trong xứ và bán ra ngoài kém đi nhiều.

Số than đá năm 1939 khai' được 2.615 nghìn tấn thì năm 1940 chỉ khai' được 2.500 nghìn tấn, năm 1942 được có 1.200 nghìn tấn (1).

Vì sự nhập cảng các đồ kim khí bị ngừng hẳn, Đông Dương đã lập những kỹ nghệ đúc gang, đồng, chì, thiếc. Nhưng những kỹ nghệ nặng ấy chỉ có thể dùng một phần nhỏ số quặng mà ngày xưa các công ty mỏ vẫn khai được hàng năm để xuất cảng: cho nên các kỹ nghệ khai mỏ đã phải thu hẹp sự hoạt động lại. Trừ có kỹ nghệ mỏ kẽm là hoạt động hơn xưa. Từ trước đến nay, Đông Dương vẫn có nhà máy đúc kẽm ở Quảng Yên. Nhà máy này đã tăng sức sản xuất để đủ số kẽm dùng trong kỹ nghệ làm những đồ vật bằng thứ kim khí ấy mà nay không nhập cảng được. Vì vậy việc khai mỏ kẽm cũng hoạt động hơn trước. Năm 1938, lò đúc kẽm Quảng Yên được chừng 4.400 tấn kẽm, năm 1940: 6.000 tấn, năm 1941: 6.251 tấn; năm 1942: 5.500 tấn. Hiện đang xây một nhà máy dát mỏng kẽm để cung cấp những tấm lá kẽm cho kỹ nghệ công tác.

Số kẽm sản xuất không những đủ dùng trong nước mà một phần còn bán ra ngoài.

Có những công ty mỏ pháp nhật mới thành lập để khai những quặng mỏ xuất cảng sang Nhật Bản: mỏ apatite ở Lao Kay (để chế cốt

phát), mới bắt đầu khai năm 1940, sản xuất được 30.000 tấn trong năm 1941, 120.000 tấn trong năm 1942.

Kỹ-nghệ lâm-sản và nông-sản

GIẤY. — Hai nhà máy giấy (ở Việt trị và Đáp cầu) của « Công ty làm giấy Đông Dương » (Papeteries de l'Indochine, P.I.C.) mấy năm gần đây vẫn sản xuất được vào khoảng 4.000 tấn một năm. Các nhà máy lại còn cung cấp bột giấy bằng tre (ta gọi là lễ tây) cho các làng tá. nhiều nhất ở vùng Bưởi, để làm các thứ giấy bán có những công dụng đặc biệt, như giấy viết chữ nhỏ và giấy mã.

Hiện thời sức sản xuất của các nhà máy bị sút kém vì:

- Thiếu chất (sonde) để chế bột giấy;
- Thiếu các thứ mạng sắt (scutres, loiles métalliques) để làm giấy bằng máy. Giấy nhập cảng được rất ít, sức sản xuất của nhà máy lại kém đi, để giải quyết sự cần dùng về giấy, một mặt « Công ty làm giấy Đông Dương » hiệp lực với sở Thanh tra khoáng chất và kỹ nghệ, giúp sức cho tiểu công nghệ để sản xuất nhiều và làm được thứ giấy tốt có thể thay được giấy làm bằng máy. Nhờ thế mà các xưởng làm giấy ta đã chế được những thứ giấy để coi, có thể có thểin được báo (1).

Một mặt kỹ nghệ và công nghệ làm giấy đều cố gắng dùng dần dần chất sonde và thay bằng vôi để ngâm nguyên liệu làm bột giấy.

Nói tóm lại: mở mang công nghệ làm giấy; — và trong địa hạt kỹ nghệ, thích nghi sự tổ chức

(1) Giá, tất nhiên, cao hơn giá giấy tây (giấy làm bằng máy). Đại khái một (rame) giấy tây giá độ 300 (giá nhà nước, thì một « rame » giấy bản tương đương giá vào khoảng 500. (giá thị trường, vì việc mua bán giấy ta vẫn được tự do).

(1) Những đoạn sắp chữ này là những đoạn thêm.

với hiện tình đề, tuy chỉ còn một ít chất soude và mạng sắt cũng có thể sản xuất được thật nhiều.

Tuy nhiên số giấy làm được cũng còn ít lắm so với số giấy cần dùng. Đông Dương mỗi năm phải dùng tới 15.000 tấn giấy; mà hiện nay chỉ có 6.000 tấn giấy. Vì vậy nhà nước đã đặt một ủy ban phân phát giấy để giám định và kiểm soát sự dùng giấy cùng tìm những phương kế để thích nghi số giấy hiện có với mọi sự cần dùng.

THUỐC DA. — Hiện tình kỹ nghệ này đang bị khó khăn vì thiếu những chất thuốc da. Liên lạc với sở canh nông, Sở Thanh tra khoáng chất và kỹ nghệ đã làm nhiều thí nghiệm để dùng vỏ cây chế những chất thuốc da.

« Công ty thuốc da Đông Dương » đang chế một chất thuốc bằng vỏ cây dẻ (palétuvier de Cochinchine). Kết quả khá quan trọng và hình như số da thuốc được đủ cung cấp cho nhà bình

Ở Nam kỳ có những xưởng công nghệ cũng huộc da bằng vỏ dẻ.

Việc dùng vỏ cây để thuốc da gây sự khó khăn và chệch trễ trong kỹ nghệ làm da vì phương pháp thuốc da phải thay đổi cho thích hợp với vật liệu. Tuy nhiên, người ta có thể mong rằng Đông Dương sẽ tự cung cấp đủ số da cần dùng, mặc dầu không nhập cảng được những chất hóa học.

Kỹ nghệ hóa học

ĐẤT ĐỐT ĐÈN. — Trong năm 1939, mỗi tháng Đông Dương mua ở ngoài 221 tấn đất đốt đèn. Một số tư nhân đã lập từ cuối năm 1938 một nhà máy làm đất đèn ở Lộc Bình, gần Lạng Sơn là một nơi vừa có than đá vôi tốt, có củi để làm than, nghĩa là có nguyên liệu, lại vừa gần mỏ than lignite rất dễ khai để lấy vật dụng chạy máy làm điện mà kỹ nghệ này dùng đến.

Dựng từ năm 1939, nhà máy Lộc Bình đã sản xuất được một số đất khá lớn bắt đầu từ avril 1942. Rồi công việc lại gặp một sự khó khăn là thiếu những thỏi dùng làm điện cực (électrodes). Nhưng nhờ ở nhà máy gạch Đông Dương làm được vật liệu đó, công việc lại tiến hành. Đến tháng Septembre 1942, đã sản xuất được 61 tấn, và nay mỗi tháng có thể được 2 tấn.

Nhiều nỗi khó khăn làm người ta không hy vọng sản xuất được đủ số đất cần dùng (nhất là số đất dùng để đốt đèn), tuy nhiên số đất chế được có thể cung cấp đủ sự cần dùng thiết yếu về kỹ nghệ như việc hàn và cắt các kim khí.

CHLORATE DE POTASSE. — Công ty thuốc súng ở Đập cầu bắt đầu từ Août 1942 đã sản chế ra được chất này để làm diêm và thuốc súng. Sản xuất từ 2 tấn đến 2 tấn rưỡi một tháng, còn có thể tăng lên tới 5 tấn, như vậy số cần dùng sẽ tạm đủ. Nguyên liệu phải dùng là chất chlorure de potassium mà Đông Dương vẫn còn trữ được, để dùng làm đồ bón ruộng. Rồi đây chất này phải lấy do nước biển ở những bãi muối vùng Cana để dùng trong kỹ nghệ và canh nông Công ty thuốc súng đã ký một bản hợp đồng với một nhà chuyên môn về việc đó.

SOUDE. — Chất soude rất cần trong kỹ nghệ làm kính, xà phòng và giấy, hiện rất khan. Một nhà máy dựng ở Hải-phòng do ông Goetze chủ trương sẽ có thể chế được bằng phương pháp Solvay, từ 10 đến 12 tấn carbonate de soude một ngày. Số đó sẽ tạm đủ cho các kỹ nghệ mỗi tháng phải cần đến vào khoảng 340 tấn. Nguyên liệu dùng là muối lấy ở vùng Cana (miền nam Trung kỳ) mỗi tháng dùng đến từ 800 đến 1000 tấn. Một thứ nguyên liệu nữa đã vôi, thì có ngay tại chỗ. Chính phủ đã phải can thiệp để công việc xây dựng nhà máy được mọi sự dễ dàng như việc thu nhật các máy móc và khi cụ mỗi nơi một cái, việc mà tư nhân không thể làm nổi.

Ở Chợ-lớn có người (ò. T. v. Bền) đã thử chế soude bằng phương pháp phân tích chất muối bể. Một vấn đề khó khăn là các thỏi dùng làm điện cực. Có đôi chút kết quả nhưng không có tính cách kỹ nghệ.

VIII. - Kỹ nghệ vật-liệu cộng-tác

SI MĂNG. — Nhà máy to nhất là của « Công ty Si măng Portland nhân tạo Đông Dương » ở Hảiphong, dựng ngang hàng với các nhà máy lớn bên Pháp. Dùng tới 3.500 thợ (6 đến 7.000 thợ nếu tính cả số thợ ở các mỏ đá), nhà máy này có thể sản xuất mỗi ngày 1.000 tấn, năm 1939 được 306.000 tấn mà một nửa xuất cảng sang Singapour, Tàu, Hongkong, Ấn độ Hòa lan và các thuộc địa Pháp.

Sức hoạt động đã bị kém đi vì tình thế hiện thời:

— ngay từ năm 1941, các lò đã thường phải nghỉ việc vì sự buôn bán với nước ngoài bị rối loạn và sự vận tải khó khăn vào miền Nam.

— đồng thời, người ta phải tìm chất thạch cao (gypse) trước kia mua ở Égypte: hiện nay chất này khai được ở mỏ Tchéponè bên Lào.

Nhưng một vấn đề khó khăn là việc vận tải, bằng xe hơi trên 28% cây số trước khi tới đường xe lửa. Cũng vì vậy mà trước hồi chiến tranh người ta đã không nghĩ tới việc khai mỏ thạch cao ở Lào; đem được ra tới Haiphong giá vốn thành cao hơn giá mua ở Egypte.

— Sau hết, nhiều bộ phận máy móc bị hư mòn đến không thay được nhất là các máy tăn (brayeurs). Lại còn những bao gai, mỗi tháng dùng đến 10.000 chiếc phải mua ở ngoài, — những bao gai mua ở Pháp, giấy thép để chằng nhúng thùng đựng (70 tấn trong năm 1942).

Vì những khó khăn ấy, sản xuất đã sụt hẳn và sự tiêu thụ đã bị hạn chế.

Người ta cũng không thể đem sản xuất sụt dưới 10.000 tấn một tháng, vì như vậy, nhà máy sẽ không còn hoạt động được nữa. Ta nên nhận rằng nếu việc sản xuất si măng bị ngừng hẳn thì bao nhiêu công việc xây cầu, làm đường và những công việc công tác về hỏa xa và binh bị đều phải đình hẳn, cả việc sửa chữa sau một tai nạn xảy ra.

Sau hết, với một cơ quan trung ương phát điện lực lượng tới 12.000 KW, nhà máy si măng đã được sáp nhập vào công việc phân phát điện lực trong khắp miền trung châu Bắc Kỳ như vậy nếu xảy một biến cố trong việc phát điện, nhà máy Si măng sẽ là một cơ quan phòng bị rất quý có thể cung cấp điện cho cả vùng Haiphong.

Tất cả những lẽ ấy đủ chứng tỏ địa vị quan trọng của kỹ nghệ này mà sự hoạt động cần phải bảo vệ.

GẠCH, NGÓI VÀ CÁC ĐỒ CHỊU SỨC NÓNG — Gạch nôi sản xuất, do nhiều nhà máy và lò công nghệ. Lượng tiêu thụ đã tăng lên gấp bội mà việc sản xuất lại gặp nhiều sự khó khăn. Số nhà cửa xây dựng cao vọt hẳn lên, vì công việc mở mang kỹ nghệ, lập nơi nghỉ mát, khai phá nhiều nơi trong xứ, thay những nhà bị xung công, xây những cơ quan dụng binh và nhà ở cho một số dân dạn và quân đội không bao giờ lại nhiều đến thế.

Về gạch, số sản xuất do các lò nhỏ giải rác khắp mọi nơi có thể cung cấp đủ cho sự cần dùng. Nhưng vấn đề khó khăn là việc nung ngói mà nguyên nhá bình đã dùng tới trên số 500.000 một tháng từ Juillet 1942, n lửa là gần một nửa số sản xuất cao nhất mà Đông Dương có thể làm được. Khó khăn không những vì số ngói cần dùng nhiều quá, mà còn bị thiếu vật liệu làm thử ngói « máy » (tuiles mécaniques) vì không

thể chỉ duy một chứ n. 1 bet mà khi lợp phải cần đến nhiều gỗ qua. Vì vậy một mặt phải cho các nhà máy làm việc cả đêm phải chia giấy dốt hàng cho các công ty tùy theo sản xuất của mỗi nhà, tùy theo nơi dùng và sự cần cấp; — một mặt tìm những vật liệu mới để thay những thứ cũ thiếu còn nữa. Ngày trước, Người ta dùng để thêu thêu như chất như mazout, dầu hỏa. Để thêu như chất chọn ấy, người ta đã thử dùng ngay các thứ dầu thảo mộc và đã thấy kết quả.

Đến những đồ dùng chịu được sức nóng, người ta đã làm được những gạch dốt, những nôi nôi (creusets) bằng than chì (graphite), « Công ty làm ngói Đông Dương » làm được những (thoi dốt) cực dốt dùng trong trong hòm phát điện (piles), trong lò nung đất dốt đèn trong những đèn điện (lampes à arcs), những máy chiếu ảnh.

ĐỒ SÀN, ĐỒ SỬ. Kỹ nghệ dốt cần dùng những đồ vật bằng sành, bằng sứ mà ngay xưa vẫn nhập cảng. Vì vậy sản xuất đa tăng nhiều. Một nhà máy ở Thanh Trì chuyên làm những đồ không dẫn điện (isolateurs) cho Sở Giấy thép. Tuy nhiên thứ đất Kaolin không có nhiều lắm nên số sản xuất không đủ cho sự cần dùng. Việc làm bát đĩa cũng được khuếch trương. Nhưng những hàng công nghiệp, không được tốt lắm (hình phủ đa tạp một ban dạy làm đồ sứ ở trường Cao đẳng Mỹ thuật, mục đích để phổ thông một kỹ thuật tốt hơn (1)

IX. — Kỹ-nghệ đúc tiền

Nhà máy đúc tiền thực sở Kỹ-nghệ kim-khu và bình-khu, lập nên từ hồi cuối năm 1939 những tiền xu và thỏi bị khan quá quá. Ngay đầu năm 1940 bằng những cách làm gấp, người ta đã đúc những đồng xu bằng một chất do kẽm và aluminium chộn lẫn,

Rồi một xưởng máy đã dựng tạm thời ở trường Kỹ-nghệ thực hành Hà-nội; cơ sở không có gì là chắc chắn. Vì vậy sở Thanh tra Khoáng-chất và Kỹ-nghệ đã lĩnh chức-vụ sửa và sửa soạn nhà máy đúc tiền hiện thời; một phần máy móc do những hàng nhập cảng được, còn thì phải làm lấy ở đây.

Trong năm 1941 đã sản xuất được 448.100p, tiền xu cung cấp cho sở Kho bạc, và năm 1942: 724.400p.

(Xem tiếp trang 29)

(1) Đoạn VIII và IX trong bài này rút ở cuốn « Đông Dương kinh tế tập san » năm 1943, số II ra ngày 24 Juillet 1943.

DIỄN HÌNH VÀ CÁ TÍNH TRONG VĂN NGHỆ

(Tiếp theo trang 7)

Trong trí khôn của họ, vai-truơng là những chàng «hảo-bán», hoặc những nhơn-vật quan-trọng, diện mạo phương-phu, mặt-đỏ, râu dài, trán «rồng» mắt «phượng» vân vân... Còn «vai-nhính» thì mặt xám-chàm, trét vào mấy bết trắng, mắt mèo, mũi điều-hầu, râu quăn v.v... Thế là đủ. Họ không cần biết đến sự trang, hành động của vai tuơng ấy nữa. Ma họ cũng không làm: số là nghệ-thuật kịch-trường ta xưa nay vẫn vận-dụng những tính-cách công-thức ấy, để gây nên những ấn-tượng trong tâm hồn khán giả. Lại còn những lối cầm roi, múa kiếm, mở cửa, uống rượu, mời-khách, «tầu-mã». . mà nhìn vào thì ai cũng buồn cười, nhưng mà ai cũng biết rằng: «À! Thế là thế đấy!» Lối nghệ-thuật công thức ấy cũng chẳng riêng gì cho nước mình. Nghệ (thuật) kịch-trường ở đâu cũng có những sắc-thái công-thức, khác nhau họa chăng ở chỗ tính vi hoặc sơ sài, cao thâm hay ấu-trĩ mà thôi.

Muốn sáng tác một nhơn-vật diễn hình, thì một nhà văn, saù lúc, đã xem xét cho rõ rệt những toàn-thể tính, và đặc sắc của trăm-ngին cá tính, lại còn phải hiểu thấu lối khái-quát (synthèse) của nghệ-thuật, rồi mới có thể mô tả được những nét tương-đồng, hoặc tương-phản giữa các cá tính. Về phương diện sáng-tác, ta phải công-nhận rằng: trong tác phẩm của các «đanh-gia» nước ta — không kể gì những quái vật trong rừng văn — thì một khuyết điểm lớn là chính vì các nhà văn đã chú trọng về âm-hương, về cú - điệu, về những ngôn-liều-xảo, hơn là chú trọng về sự - thực. Đối diu cảnh, chữ cho «kêu», nói cho bóng bẩy, và tự-liệu phải có diễn-tích, danh-từ phải có những «hình-tượng công-hức» rút ở chỗ này, cắm vào chỗ kia. Đã là một nhơn vật chính thì thế nào một vị «Cung-tử» (theo nghĩa ngày xưa) bao giờ cũng «thiên-tư tài mạo tuyệt vời» một cô tiểu-thư tất là «quốc-sắc thiên-hương» «nhận sa ca lặn» phải đẹp hơn người; đã đẹp thì thế nào cũng «mây ngải mắt phượng» «làn thu thủy, nét xuân sơn...» v. v... Sao không nghĩ rằng: chữ dầu kêu văn dầu trơn mà nếu không đúng với sự thực — mà sự thực là thay đổi luôn luôn — thì cũng chỉ là bộ-diệu «thề-thao-chữ» mà thôi! Vả lại xưa kia người xưa họ biết vay mượn ai? Bút-pháp ấy khác gì với lối tô-điểm quăng-lạc? Một nhà văn hiện-thực không những chỉ cần đọc cho nhiều, học cho chín những ngôn-liều-xảo mà có thể làm nên phũng áng văn vĩ-dại. Trước hết phải có một khối óc khách quan, một pho kính nghiệm đời-dao và một lối bút pháp riêng cho mình thì mới

có thể góp nhặt, lựa chọn, và ghi-chép những nhơn cách linh-động, những diễn-hình có giá trị trong văn đài.

Văn-nghe là một bộ-môn của nghệ-thuật. Nghệ-thuật bao giờ cũng có những dây liên lạc rất chặt chẽ với thực-hiện. Sinh hoạt là nền tảng của nghệ thuật và nghệ-thuật — bất kỳ là đứng về phương diện sáng tác hay thưởng thức, về trạng-thái, hay ý-nghĩa, mục đích của nó, — không có thể rời xa hầu đời sống. Chủ trí là nghệ-thuật đã thoát-ly hẳn sinh-hoạt nếu không phải là thái độ tự-kiêu, hay là «giới mình, giới người», hay là một «bệnh thái», thì cũng chỉ là một quan-điểm nông nổi, hẹp hòi. Sau những hình-ảnh mập-mờ của những khối óc say sưa trong trí tưởng tượng, sau những tiếng cười rất thoát-tục, những động há!, những than-thở mê-ly, những ước ao rất viễn-vông, những ý-nghĩ rất hão huyền, nếu nhận cho kỹ, ta vẫn thấy rõ cái «phông» thực-tế, cái bối cảnh của lịch-sử. Con centaure là một quái vật, nhưng nó vẫn là thoát thai ở hình-ảnh con người và con ngựa. Văn-nghe hiện thực không phải là nghệ thuật chớp bóng chỉ chép lại sự thực một cách vô ý-thức. Nó đi sát với sự-thực, nhưng nó không hề cự tuyệt hết những trạng-thái tưởng-tượng. Giá-trị văn-học hiện-thực chính ở trong tính cách linh-động, chứa chan những sinh khí. Trong thời hiện tại, văn-nghe hiện-thực sẽ phổ bày cho thời đại biết rõ chân tướng của một xã hội và những nỗi đau đớn, bất-bình của thời đại. Đối với tương lai, nó sẽ là một tia bảo quang chiếu lại cho thế hệ ngày sau được thấy rõ sắc-tướng tinh-vi và chân thật của thời kỳ đã qua. Chúng ta không nên lấy óc «cơ giới» mà phân tách diễn-hình và cá tính ra làm hai tính-cách «bất-tương-dung», Trừu-tượng chỉ là một phương-pháp diện cho lý-luận, phải vận-dụng cho xác-đáng mới có thể hiểu thấu sự quan-hệ giữa văn-nghe và sinh-hoạt.

Đ. T. M.

ĐƯƠNG IN :

VANG BÚNG MỘT THỜI

của NGUYỄN-TUẤN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

CHÊ ĐỘ THĂNG TRÂM

(Tiếp theo trang 5)

Sự công-hiệu của một chính-thể trong lúc bình-thời có thể đứng về hai phương diện: tinh thần và vật chất.

Tinh thần tức là phong-tục trong các ngành, sinh hoạt và chương, khoa, học, mỹ thuật: chính-thể tốt phải khuyến-khích nhân dân để tại được họ được hoàn toàn phát triển.

Vật chất tức là các ngành kinh tế, chính thể tốt không phải chỉ khuyến-khích kinh tế (chính thể nào ở thời-điểm này mà tại không biết khuyến-khích kinh tế) nhưng của phải điều hòa các ngành kinh-tế và phải phát lợi-tức một cách công-bình.

Chính-thể nào có những công-hiệu ấy? Độc-tài hay tự-do? Quân-chủ hay dân-chủ?

Không thể cả quyết được vì chính-thể phải tùy dân-trí dân-tinh, nhưng đại-cương tại có thể nói rằng, sự tiến hóa của một nước bất cứ dân chủ hay quân chủ, phải đi từ chính-thể độc tài tới chính-thể tự do — Sự tiến hóa ấy có thể nhanh hay chậm tùy từng trường hợp, nhưng không bao giờ đảo ngược được.

Cho nên, chế độ chính-thể, trước hết phải xét tính xét người. Không thể căn cứ vào một sự thắng bại nhất thời của ai ai mà vội a dua với bọn dèm pha hay xiểm nịnh.

P. Q.

MỘT BUỔI DIỄN THUYẾT

Hội Truyền-bá học quốc-ngữ sẽ tổ chức một buổi cổ-động về giới-huống-mại và kỹ-nghệ vào ngày 24 Âm-lịch 1943 (hồi 2) giờ 30 tại hội quán Trí-trí.

Ông Nguyễn-quý-Hùng sẽ nói chuyện về: « Sự phổ-cập giáo-dục bình dân tại Đông-dương » — Ở Vương-Kiểm-Toàn nhân viên ban Trị-sự nói về « chương trình chống nạn thất-học của họ ».

Ông Nguyễn-quý-Hùng, nguyên giáo-sư trường Trung-học Bưởi-lạc tại Thủ-đô Hà-Nội đã nhiều người biết, tất nhiên đủ điều kiện để cổ-động, khích-lệ giới-thị trường mà việc kỹ-nghệ giúp một cách thiết-thực và hiệu-quả vào công-cuộc của hội Truyền-bá học quốc-ngữ.

TÌNH HÌNH KỸ-NGHỆ Đ. DƯƠNG TRONG HAI NĂM VỪA QUA

(Tiếp theo trang 27)

Người ta đã gặp nhiều sự khó khăn trong khi xây một lò nung kiểu mới để gốm sứ, sức gỗ kìm-khi bị hỏa m lửa, có lên tới 37, 41, sức nặng của tất cả số tiền được với cái lò nung kiểu cũ. Chỗ hao-phí đã giảm được xuống 23, 7%.

Thức thép riêng dùng để làm tôn dầm dốt và đồng xu đã hết từ tháng octobre 1941, người ta đã phải nghiên cứu vận-thi ra về cách dùng sửa nung để dùng các thức thép con ở thị trường. Hiện-thời, nhà máy đúc tiền làm việc đã được như ý và gửi gặt được một trong những vấn đề chính-trị đối quốc trong.

(còn nữa)

V. B. H. H. H.

KỶ SAU:

Kết luận. — Văn đề kỹ nghệ hóa Đông Dương.

D. T. H. H. H.



HƯƠNG XA

Tập đoàn thiện có giá trị của 14 văn hào khắp các nước Đông, Tây

do các văn sĩ quên biết trong Đời Nay dịch

LOẠI GIÓ BỒN PHƯƠNG

Giá: 2\$50

ĐUONG IN:

ANNA KARÉLINE (loại gió bốn phương)
của L. TOLSTOI

ĐƯA CON

Tiểu thuyết của Đ. Đ. Đ. Đ. Đ.

MAY

Thơ của V. H. H. H. H.

SÁP IN:

THÀNH ĐỨC (lúc Tội lỗi)

Tiểu thuyết của KHÁI HUNG

đọc sách mới

THUYẾT, Trai nước nam làm gì? Thời Đại (xuất bản). —

Trai nước Nam làm gì? — Đó là câu chuyện mà vị thủ-lĩnh của một phần thanh-niên Bắc kỳ muốn nói với thanh-niên

Việt-nam toàn cõi Đông-dương Phần thanh-niên ấy là một đoàn có kỷ luật nhất hiện thời mà vị thủ-lĩnh họ là người đã bao nhiêu năm nay, trong hành động cũng như trong tư-tưởng đã tỏ ra người nhất định phụng sự lý tưởng của mình.

Người đó hể lòng tin vào tương lai của nòi giống, chăm chăm duy trì lấy căn bản của nước nhà. Lòng ái quốc tinh thần đạo nho là hai cái mà ô. Hoàng đạo Thuý đã muốn làm cho sống lại, nhưng là một lòng ái quốc rộng rãi, là một tinh thần đạo nho thoát hẳn đạo nho.

Trong quyển sách nhỏ của ô-Hoàng, từ giọng văn cho đến ý nghĩ đều đề lộ ra một bản khoả, một tin tưởng, một sốt sắng mà quả tác giả có thật, và đã nghiền ngẫm bao nhiêu lâu.

Có người cấp-tiến có thể không bằng lòng về những tư tưởng có chút thủ cựu của ông. Nhưng thử nghĩ xem. Con thuyền buồm căng thẳng, đã ra khỏi bến, dễ vượt bể tới những miền xa lạ. Bỗng một cơn bão ngàn ngạt bốc lên ở chân trời. Đi thì tắt đèn, thuyền chưa đủ vững trãi để chịu phong ba. Chỉ có một cách là hẵng quay gở về với bờ bến cũ để qua buổi xấu giờ. Bờ bến cũ có những trật tự cũ. Chỉ có trật tự thì mới trấn được với hỗn loạn. Cái ngày ra khỏi tìm trật, từ mới hãy hoãn lại một ngày mai. L.H.V.

ĐÓN CỜ:

Tác phẩm viết công phu nhất

của NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

từ « THIẾU QUÊ HƯƠNG »

Hơn 500 trang — In đẹp

Bản thường 5\$00. Giấy quý 20\$00

Nhà xuất bản

ANH-HOA

67, Rue du Charbon, HANOI

HỢP THU

Ông Yên-sơn (Vinh). — Ý ông rất hay, tiếc vì một lẽ riêng không theo được.

Việc thứ hai, tôi đã chuyển giao sang ông Chủ nhiệm lời ông.

Đ. D.

CẢI CHÍNH

Trong bài « Tổ chức hiện thời của nền kinh tế Đông Dương », trang 11, giòng 5: « ...trẻ con dưới một tuổi » xin đọc: « trẻ con dưới một tuổi nào đó ».

Cũng bài ấy, trang 12, giòng 42: « sự dùng bông » xin đọc « ...sự giồng bông »

PÉDOCA
vinaigre-cornichon

EN VENTE:

dans tous les grands
magasins d'alimentation

HANOI

N° 136, Boulevard A. Rousseau

Téléphone : 1663

SẼ XUẤT BẢN:

Ả Q CHÍNH TRUYỆN

của LỖ-TẤN, ĐẶNG-THÁI-MAI dịch

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

VIỆC QUỐC TẾ:

Ở Đông - Dương

Nhân ngày kỷ-niệm năm thứ ba Đô-dốc Decoux lĩnh chức Toàn Quyền xứ này, Chính-phủ Nam-triều đã phong Đô-dốc tước Phò-Quốc-Vương.

Ở Ấn - Đông

Ngày 1er Aoút nước Diến-Điện đã chính-thức tuyên-bố độc-lập, ký hợp ước đồng-minh với Nhật và tuyên-chiến với Anh-Mỹ. Các nước về phe Trục đã tiếp-tục thừa nhận sự độc-lập của Diến-Điện.

Ở Ấn-Độ, việc vận-dộng độc-lập đã tới thời-kỳ thực hành. Một đạo quân quốc-gia, dưới quyền chỉ-huy của ông Chandra Bose, lãnh-tụ đảng Ấn-Độ độc-lập, và được hội Phụng sự quốc-gia Nhật che chở, đã thành lập tại Diến-Điện đề mưu cuộc giải-phóng Ấn-Độ bằng binh-lực.

Ở Âu - Châu

Mặt trận Nga, khu Bắc (Ladoga) và Nam (Kouban) không có sự gì quan-trọng. Riêng khu Trung ương (Orel-Bielgorod) có những sự thay đổi lớn: ở Orel sau một thời-kỳ cầm cự gắt-gao quân Đức đã bỏ thành rút lui về chiến-tuyến mới ở phía Tây (6 Aoút), Hồng-Quân hạ thành Orel xong liền tiến về phía Tây Bắc, theo đường xe-lửa Orel-Briansk và đã tới gần Briansk; lực-lượng chiến-đấu của Nga lại chuyển xuống Bielgorod và Hồng-Quân sau khi chiếm thành này (7 Aoút) tiến xuống phía Nam đã tới Zolochov ở giữa đường Bielgorod-Kharkov, chỉ còn cách Kharkov 30 cây số; đồng-thời Nga đánh tới khu Poltava ở Ukraine, cách Kharkov 150 cây số về phía Tây-Nam.

Mặt trận Ý-dại-lợi cũng có sự thay đổi lớn. Cuộc nội-biến xảy ra ở nhiều tỉnh thành Ý. Nhiều đảng-viên Phát-xít bị bắt giam,

Nhưng Chính-phủ mới của Ý vẫn theo đuổi cuộc chiến-tranh bên cạnh Đức, sau một tuần-lễ đình cuộc tàn-công vào đất Ý để chờ xem thái-dộ của Chính-phủ Badoglio, tàu bay Anh-Mỹ đã lại bắt đầu cuộc tàn phá các thành-phò lớn tại Ý, Gênes, Naples, Turin,...

Tại Sicile quân Anh-Mỹ tiến rất chậm. Phía Tây-Bắc và khu Trung-ương quân Mỹ và Giã-na-dai dần dần chiếm các tỉnh San Stefano, Cerami, Caronia. Ở bờ bề phía Đông sau một thời-kỳ khó-khăn, lộ quân thứ 8 của Anh đã chiếm được thành Catane (6 Aoút) và tiến lên phía Bắc tới chân núi lửa Etna chỉ còn cách Messine 80 cây số.

Trong khi đó một đạo quân khác của Mỹ sau khi chiếm được mấy đảo Eoliennes, Lipari ở phía Bắc Sicile đề trợ-lực cuộc tấn-công trên đảo, lớn lại đổ-bộ xuống Santa Agata ở bờ bề phía Bắc Sicile có ý bao vây quân Trục. Hải-cảng Messine ở Cực-Bắc đảo bị uy-hiệp, nếu Messine mất, đảo Sicile cũng không còn.

Viết ngày 12 Aoút 1943
Đ. Đ. D.

ĐÃ CÓ BÁN:

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn chương và thần thoại Trần-kê-Xương)

Một kiệt tác của Trần-Thanh-Mại
Kỷ tái bản này, tác giả đã dày công sửa chữa

Sách ngót 200 trang — Giá 1\$90

Nhà xuất bản **TÂN-VIỆT**
29, Lamblot -- HANOI

ĐƯƠNG IN:

CỔ HỌC TÌNH HOA

Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC
và Tỉnh-Trai TRẦN LÊ-NHÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

**Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG**

ĐỀ KỶ NIỆM CUỘC:

TRIỂN LÃM SÁCH BÁO NĂM 1942 lần đầu tiên tổ chức tại Bắc-kỳ của NHÀ SÁCH MINH-DỨC THÁI-BÌNH

TỪ 31 AOUT ĐẾN 30 SEPTEMBRE 1943 CÓ BẦY BÁN

NHỮNG TỦ SÁCH LỒNG KÍNH DÀNH RIÊNG CHO NHỮNG NHÀ CHƠI SÁCH

Tủ đóng rất sinh sản để bày ở phòng tiếp khách, phòng làm việc, phòng ngủ rất lịch sự và mỹ thuật.

Các sách quý hiếm đã chọn lọc rất cẩn thận rồi mới liệt vào trong hững tủ sách lồng kính, sách gồm về các loại: Văn học, tra cứu, nghiên cứu, triết lý, y học, lịch sử, danh nhân, tiểu thuyết, v. v. . .

Về phương diện mỹ thuật, khi nhà sách Minh Đức mở cuộc triển lãm sách ở Bắc-kỳ, dự hội chợ Saigon, các báo: Saigon Điện tín, Dân báo, Tin mới, Việt cường, Đông pháp, các nhà văn, các nhà xuất bản, các nhà chơi sách khó tính đều một lòng bình phẩm là: Những sách chọn lọc đứng đắn và cách trưng bày rất mỹ thuật.

Có bày thêm ngót 400 pho tiểu thuyết quốc ngữ, gần 100 cuốn chữ pháp đóng theo lối chơi sách của người Anh-cát-lợi. Lối đóng mới, giá lại rẻ



MỚI CÓ BÁN:

CẢ TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ

HÀN THUYỀN «SỨC KHỎE MỚI»

của P. N. KHUÊ — Giá 3\$50

25-8-43 CÓ BÁN:

XÃ HỘI AI-CẬP ĐỜI THƯƠNG CỒ

Trong bộ «Lịch Sử Thế Giới»

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH — GIÁ 2\$50

Ở xa, mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm 0\$40 cước, đảm bảo về ông Giám Đốc.

HÀN THUYỀN, 71 Tiên Tsin - HANOI

BÁO THANH-NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN
CHÍNH—PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 1^{er} Septembre 1943

— Vấn đề kỹ nghệ hóa xứ Đông Dương	VŨ ĐÌNH HÒE
— Cuộc cách-mệnh Tân-Hợi và hiến pháp hiện hành	PHAN ANH
— Những biến trạng mới của nền tư bản kỹ-nghệ	VŨ VĂN HIỀN
— Thân thể, tư tưởng và nghệ thuật Lỗ Tấn	ĐỖNG THÁI MAI
— Các chất sinh tố trong đồ ăn của người Việt Nam	NGUYỄN ĐÌNH HẢO
— Chữ « Lẽ »	HOÀNG ĐẠO THÚY
— Một thần tượng về chính trị	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Người phu đào huyết (truyện dịch).	NG. Q. BÌNH VÀ L. H. V
— Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17	NGUYỄN TRỌNG PHẤN
— Đọc sách mới	LÊ HUY VÂN

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939 N° 3089
Directeur gerant: VŨ ĐÌNH HÒE - Fondateur: ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. TRUNG BẮC